DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	20226892	Trần Tiến Anh	ME-GU 01-K67	67	Trường Cơ khí	77	3.9	C
2	20222892	Nguyễn Minh Trung	PFIEV Tin học công nghiệp và TĐH 01-K67	67	Trường Điện - Điện tử	82	3.57	B
3	20227875	Nguyễn Duy Khôi	PFIEV CK hàng không 01-K67	67	Trường Cơ khí	96	4	A
4	20235605	Nguyễn Thái Anh Minh	CTTT An toàn không gian số 01-K68	68	Trường CNTT&TT	100	4	A
5	20235603	Mai Văn Nhật Minh	CTTT An toàn không gian số 01-K68	68	Trường CNTT&TT	96	4	A
6	20239324	Nguyễn Thị Ngân	Dệt May 02-K68	68	Trường Vật liệu	93	3.67	A
7	20239392	Đỗ Thị Uyên	Dệt May 05-K68	68	Trường Vật liệu	92	3.65	A
8	20238997	Nguyễn Thị Thùy Linh	Dệt May 05-K68	68	Trường Vật liệu	96	3.64	A
9	20239341	Kiều Thị Huyền Phương	Dệt May 04-K68	68	Trường Vật liệu	97	3.63	A
10	20238889	Vũ Thị Ngọc Ánh	Dệt May 02-K68	68	Trường Vật liệu	93	3.6	A
11	20238989	Hà Thị Thùy Linh	Dệt May 02-K68	68	Trường Vật liệu	89	3.78	B
12	20238876	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Dệt May 04-K68	68	Trường Vật liệu	86	3.78	B
13	20238948	Bùi Thị Hoài	Dệt May 01-K68	68	Trường Vật liệu	89	3.75	B
14	20238937	Nguyễn Thị Hải Hậu	Dệt May 05-K68	68	Trường Vật liệu	96	3.58	B
15	20239320	Lê Thị Hồng Nam	Dệt May 03-K68	68	Trường Vật liệu	93	3.57	B
16	20238946	Tôn Thị Hoa	Dệt May 04-K68	68	Trường Vật liệu	83	3.57	B
17	20231644	Lê Thị Tú Trinh	Công nghệ giáo dục 02-K68	68	Khoa KH&CN Giáo dục	100	4	A
18	20231614	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Công nghệ giáo dục 02-K68	68	Khoa KH&CN Giáo dục	96	4	A
19	20231563	Nguyễn Linh Chi	Công nghệ giáo dục 01-K68	68	Khoa KH&CN Giáo dục	93	4	A
20	20231597	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Công nghệ giáo dục 01-K68	68	Khoa KH&CN Giáo dục	93	4	A
21	20231632	Nguyễn Phương Thảo	Công nghệ giáo dục 02-K68	68	Khoa KH&CN Giáo dục	93	4	A
22	20235974	Lương Hoàng Minh	ICT 02-K68	68	Trường CNTT&TT	100	4	A
23	20235633	Trịnh Thành An	Việt Nhật 04-K68	68	Trường CNTT&TT	100	4	A
24	20236024	Nguyễn Minh Đức	CNTT Việt Pháp 01-K68	68	Trường CNTT&TT	100	4	A
25	20235922	Đặng Hoàng Dương	ICT 02-K68	68	Trường CNTT&TT	93	4	A
26	20235984	Ngô Minh Ngọc	ICT 02-K68	68	Trường CNTT&TT	93	4	A
27	20235684	Nguyễn Ngọc Dung	Việt Nhật 03-K68	68	Trường CNTT&TT	93	4	A
28	20235989	Nguyễn Thị Minh Phương	ICT 01-K68	68	Trường CNTT&TT	96	3.96	A
29	20235928	Trương Minh Hằng	ICT 02-K68	68	Trường CNTT&TT	100	3.94	A
30	20235911	Cao Văn Đông	ICT 01-K68	68	Trường CNTT&TT	92	3.92	A
31	20236014	Lê Ngọc Anh Vũ	ICT 02-K68	68	Trường CNTT&TT	96	3.9	A
32	20235677	Văn Thành Đạt	Việt Nhật 04-K68	68	Trường CNTT&TT	100	3.89	A
33	20235844	Nguyễn Mạnh Tiến	Việt Nhật 01-K68	68	Trường CNTT&TT	100	3.89	A
34	20235887	Ngô Quang Anh	ICT 01-K68	68	Trường CNTT&TT	96	3.86	A
35	20235980	Vũ Hoàng Minh	ICT 02-K68	68	Trường CNTT&TT	91	3.85	A
36	20236018	Lê Văn Thành An	CNTT Việt Pháp 01-K68	68	Trường CNTT&TT	96	3.81	A
37	20236036	Phạm Tùng Lâm	CNTT Việt Pháp 01-K68	68	Trường CNTT&TT	94	3.81	A
38	20236015	Đặng Quốc Vượng	ICT 01-K68	68	Trường CNTT&TT	93	3.81	A
39	20236055	Nguyễn Hoàng Tín	CNTT Việt Pháp 01-K68	68	Trường CNTT&TT	93	3.81	A
40	20235935	Đoàn Trọng Hòa	ICT 01-K68	68	Trường CNTT&TT	90	3.81	A
41	20235966	Nguyễn Bích Loan	ICT 02-K68	68	Trường CNTT&TT	96	3.79	A
42	20235882	Nguyễn Minh Xuân	Việt Nhật 03-K68	68	Trường CNTT&TT	92	3.79	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
43	20236001	Hà Mai Trang	ICT 01-K68	68	Trường CNTT&TT	93	3.77	A
44	20236012	Trịnh Lương Việt	ICT 02-K68	68	Trường CNTT&TT	92	3.77	A
45	20237896	Trần Nguyễn Nhật Cường	Vật liệu Polyme & Compozit 02-K68	68	Trường Vật liệu	100	4	A
46	20237910	Ngô Thanh Hải	Vật liệu Polyme & Compozit 02-K68	68	Trường Vật liệu	91	3.82	A
47	20237457	Nguyễn Tiến Lộc	HT thông tin quản lý 01-K68	68	Khoa Toán - Tin	96	4	A
48	20237475	Hoàng Chí Phước	HT thông tin quản lý 01-K68	68	Khoa Toán - Tin	96	4	A
49	20237439	Nguyễn Thị Huệ	HT thông tin quản lý 01-K68	68	Khoa Toán - Tin	96	4	A
50	20237424	Lê Tiến Đạt	HT thông tin quản lý 02-K68	68	Khoa Toán - Tin	96	4	A
51	20237438	Bùi Thái Học	HT thông tin quản lý 02-K68	68	Khoa Toán - Tin	96	4	A
52	20231326	Bùi Thị Làn	Hóa học 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	91	3.74	A
53	20231374	Chu Thị Bảo Trân	Hóa học 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	100	3.69	A
54	20231384	Hồ Thị Vân	Hóa học 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	81	3.58	B
55	20231385	Chu Phương Vi	Hóa học 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	92	3.53	B
56	20231350	Trần Đỗ Phi	Hóa học 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	86	3.43	B
57	20231375	Bùi Thị Huyền Trang	Hóa học 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	92	3.23	B
58	20232921	Nguyễn Thị Tâm	Kế toán 02-K68	68	Trường Kinh tế	92	3.95	A
59	20232913	Nguyễn Thị Như	Kế toán 02-K68	68	Trường Kinh tế	96	3.94	A
60	20232867	Lê Minh Đức	Kế toán 02-K68	68	Trường Kinh tế	93	3.92	A
61	20232904	Khổng Đức Mạnh	Kế toán 01-K68	68	Trường Kinh tế	100	3.79	A
62	20235587	Nguyễn Minh Đức	CTTT Data Science & AI 02-K68	68	Trường CNTT&TT	97	4	A
63	20235505	Nguyễn Quang Huy	CTTT Data Science & AI 03-K68	68	Trường CNTT&TT	92	3.92	A
64	20235519	Nguyễn Thanh Lâm	CTTT Data Science & AI 02-K68	68	Trường CNTT&TT	93	3.88	A
65	20235482	Phạm Khánh Chi	CTTT Data Science & AI 01-K68	68	Trường CNTT&TT	100	3.86	A
66	20235470	Nguyễn Bình Anh	CTTT Data Science & AI 01-K68	68	Trường CNTT&TT	100	3.85	A
67	20235504	Nguyễn Công Huy	CTTT Data Science & AI 02-K68	68	Trường CNTT&TT	100	3.85	A
68	20235247	Đặng Quốc Vinh	Khoa học máy tính 04-K68	68	Trường CNTT&TT	100	4	A
69	20230058	Mai Lê Phú Quang	CTTN-Khoa học máy tính-K68	68	Trường CNTT&TT	100	4	A
70	20230063	Phan Anh Tài	Khoa học máy tính 06-K68	68	Trường CNTT&TT	96	4	A
71	20235002	Hoàng Trung Anh	Khoa học máy tính 06-K68	68	Trường CNTT&TT	96	4	A
72	20235012	Nguyễn Ngọc Ánh	Khoa học máy tính 02-K68	68	Trường CNTT&TT	96	4	A
73	20235156	Trần Đức Mạnh	Khoa học máy tính 02-K68	68	Trường CNTT&TT	96	4	A
74	20235110	Nguyễn Văn Huy	Khoa học máy tính 06-K68	68	Trường CNTT&TT	93	4	A
75	20230077	Phạm Bảo Yến	CTTN-Khoa học máy tính-K68	68	Trường CNTT&TT	93	4	A
76	20230067	Lê Quý Thành	CTTN-Khoa học máy tính-K68	68	Trường CNTT&TT	93	4	A
77	20230037	Tăng Trần Mạnh Hưng	CTTN-Khoa học máy tính-K68	68	Trường CNTT&TT	93	4	A
78	20235092	Trương Văn Hồng	CTTN-Khoa học máy tính-K68	68	Trường CNTT&TT	92	4	A
79	20230015	Hoàng Đức Anh	Khoa học máy tính 05-K68	68	Trường CNTT&TT	92	3.96	A
80	20235121	Trần Minh Khoa	Khoa học máy tính 04-K68	68	Trường CNTT&TT	96	3.94	A
81	20235013	Nguyễn Ngọc Ánh	Khoa học máy tính 03-K68	68	Trường CNTT&TT	96	3.92	A
82	20237841	Lâm Vĩnh Khang	Vi điện tử & CN nano 02-K68	68	Trường Vật liệu	90	4	A
83	20237857	Vũ Trí Nghĩa	Vi điện tử & CN nano 02-K68	68	Trường Vật liệu	90	3.89	A
84	20237842	Hà Nam Khánh	Vi điện tử & CN nano 01-K68	68	Trường Vật liệu	92	3.82	A
85	20237852	Nguyễn Lê Minh	Vi điện tử & CN nano 01-K68	68	Trường Vật liệu	91	3.78	A
86	20232608	Trần Đắc Bằng	Quản lý năng lượng 01-K68	68	Trường Kinh tế	93	4	A
87	20232619	Bùi Thị Minh Hằng	Quản lý năng lượng 01-K68	68	Trường Kinh tế	95	3.92	A
88	20232654	Phạm Thị Quỳnh	Quản lý năng lượng 01-K68	68	Trường Kinh tế	81	3.8	B

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
89	20237139	Lê Tiến Đạt	ME-LUH 01-K68	68	Trường Cơ khí	100	4	A
90	20236303	Cao Văn Sơn	Cơ điện tử 05-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.92	A
91	20236306	Nguyễn Đức Sơn	Cơ điện tử 01-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.92	A
92	20236197	Nguyễn Tuấn Khang	Cơ điện tử 04-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.92	A
93	20236309	Nguyễn Văn Sơn	Cơ điện tử 04-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.91	A
94	20236302	Phí Mạnh Sáng	Cơ điện tử 04-K68	68	Trường Cơ khí	96	3.9	A
95	20236310	Vũ Xuân Sơn	Cơ điện tử 05-K68	68	Trường Cơ khí	94	3.88	A
96	20237041	Lương Hồng Phúc	CTTT Cơ điện tử 02-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.87	A
97	20236103	Nguyễn Thế Đạt	Cơ điện tử 01-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.87	A
98	20237163	Vương Đức Minh	ME-LUH 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.84	A
99	20236235	Trịnh Trường Mạnh	Cơ điện tử 07-K68	68	Trường Cơ khí	96	3.83	A
100	20236237	Dương Đình Quang Minh	Cơ điện tử 02-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.83	A
101	20236231	Nguyễn Thái Lương	Cơ điện tử 03-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.81	A
102	20236344	Trần Thành Trung	Cơ điện tử 04-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.8	A
103	20236307	Nguyễn Hà Sơn	CTTN-Cơ điện tử-K68	68	Trường Cơ khí	96	3.79	A
104	20236067	Đỗ Việt Anh	Cơ điện tử 07-K68	68	Trường Cơ khí	97	3.78	A
105	20236243	Nguyễn Mậu Minh	Cơ điện tử 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.78	A
106	20236252	Dương Hoàng Nam	Cơ điện tử 03-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.77	A
107	20236271	Ngô Hồng Phát	Cơ điện tử 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.76	A
108	20236154	Hà Minh Hiền	CTTN-Cơ điện tử-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.76	A
109	20236121	Nguyễn Minh Đức	Cơ điện tử 05-K68	68	Trường Cơ khí	100	3.75	A
110	20236284	Đỗ Đình Quân	Cơ điện tử 07-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.75	A
111	20236358	Nguyễn Văn Tuấn	Cơ điện tử 04-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.72	A
112	20236214	Đoàn Việt Quang Lâm	Cơ điện tử 07-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.68	A
113	20236132	Chu Minh Dương	Cơ điện tử 02-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.66	A
114	20236334	Phạm Văn Thủy	Cơ điện tử 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.63	A
115	20236348	Nguyễn Thanh Trường	Cơ điện tử 01-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.63	A
116	20236228	Phạm Bá Long	CTTN-Cơ điện tử-K68	68	Trường Cơ khí	97	3.62	A
117	20236249	Trần Quang Minh	Cơ điện tử 07-K68	68	Trường Cơ khí	96	3.61	A
118	20236167	Trần Đức Hiếu	Cơ điện tử 02-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.61	A
119	20236844	Đỗ Tiến Thành	Cơ khí 10-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.94	A
120	20236437	Hoàng Trọng Bình	Cơ khí 11-K68	68	Trường Cơ khí	90	3.9	A
121	20236414	Nguyễn Văn Anh	Cơ khí 12-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.89	A
122	20236862	Phí Đăng Thuấn	Cơ khí 04-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.81	A
123	20236511	Nguyễn Ngọc Hải Dũng	Cơ khí 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.81	A
124	20236471	Trần Thị Đào	Cơ khí 09-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.8	A
125	20236858	Nguyễn Văn Thời	Cơ khí 12-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.79	A
126	20236757	Nguyễn Phương Nam	Cơ khí 07-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.78	A
127	20236489	Trần Tiến Đinh	Cơ khí 03-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.75	A
128	20236803	Lê Mạnh Minh Quân	Cơ khí 05-K68	68	Trường Cơ khí	100	3.74	A
129	20236505	Trần Mạnh Đức	Cơ khí 07-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.67	A
130	20236582	Bùi Văn Hoàn	Cơ khí 12-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.67	A
131	20236917	Đào Duy Tùng	Cơ khí 11-K68	68	Trường Cơ khí	94	3.65	A
132	20236889	Nguyễn Quang Trung	Cơ khí 07-K68	68	Trường Cơ khí	100	3.62	A
133	20236512	Nguyễn Quang Dũng	Cơ khí 02-K68	68	Trường Cơ khí	83	3.94	B
134	20236755	Lê Hải Nam	Cơ khí 05-K68	68	Trường Cơ khí	81	3.87	B

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
135	20236435	Nguyễn Quốc Bảo	Cơ khí 09-K68	68	Trường Cơ khí	87	3.8	B
136	20236534	Trần Anh Giang	Cơ khí 12-K68	68	Trường Cơ khí	86	3.75	B
137	20236445	Lê Vũ Nam Chiến	Cơ khí 07-K68	68	Trường Cơ khí	89	3.67	B
138	20236508	Dương Mạnh Dũng	Cơ khí 10-K68	68	Trường Cơ khí	100	3.59	B
139	20236769	Nguyễn Văn Nghĩa	Cơ khí 07-K68	68	Trường Cơ khí	86	3.56	B
140	20236485	Phí Hữu Tiến Đạt	Cơ khí 11-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.55	B
141	20236799	Bùi Minh Quân	Cơ khí 01-K68	68	Trường Cơ khí	89	3.5	B
142	20236443	Đỗ Văn Chi	Cơ khí 05-K68	68	Trường Cơ khí	83	3.5	B
143	20236661	Trương Quang Huy	Cơ khí 07-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.47	B
144	20236724	Nguyễn Văn Lương	Cơ khí 10-K68	68	Trường Cơ khí	84	3.47	B
145	20236880	Phạm Lâm Toàn	Cơ khí 10-K68	68	Trường Cơ khí	96	3.44	B
146	20236919	Lê Xuân Tùng	Cơ khí 01-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.43	B
147	20236431	Nguyễn Hoàng Bách	Cơ khí 05-K68	68	Trường Cơ khí	89	3.42	B
148	20236496	Nguyễn Anh Đức	Cơ khí 10-K68	68	Trường Cơ khí	80	3.4	B
149	20236385	Nguyễn Huy An	Cơ khí 07-K68	68	Trường Cơ khí	90	3.39	B
150	20236484	Phạm Tiến Đạt	Cơ khí 10-K68	68	Trường Cơ khí	90	3.39	B
151	20236855	Chu Văn Thịnh	Cơ khí 09-K68	68	Trường Cơ khí	88	3.39	B
152	20238592	Đỗ Hoàng Nam	CK động lực 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.81	A
153	20238520	Lê Văn Tuấn Anh	CK động lực 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.77	A
154	20238598	Ngô Hoàng Nhật	CK động lực 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.74	A
155	20238633	Nguyễn Thanh Tùng	CK động lực 03-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.73	A
156	20238586	Hoàng Minh	CK động lực 01-K68	68	Trường Cơ khí	96	3.68	A
157	20231726	Lê Phương Hậu	Kỹ thuật điện 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
158	20231821	Vũ Đình Phú	Kỹ thuật điện 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.84	A
159	20231761	Nguyễn Tuấn Huy	Kỹ thuật điện 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	97	3.74	A
160	20231835	Nguyễn Hồng Quyền	Kỹ thuật điện 05-K68	68	Trường Điện - Điện tử	96	3.65	A
161	20231729	Nguyễn Minh Hiếu	Kỹ thuật điện 04-K68	68	Trường Điện - Điện tử	94	3.64	A
162	20231868	Nguyễn Văn Trung	Kỹ thuật điện 04-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.63	A
163	20231814	Vương Đức Nguyên	Kỹ thuật điện 04-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.62	A
164	20231863	Nguyễn Thọ Tới	Kỹ thuật điện 04-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.61	A
165	20231659	Đỗ Hồng Anh	Kỹ thuật điện 04-K68	68	Trường Điện - Điện tử	87	3.79	B
166	20231719	Nguyễn Thế Duy	Kỹ thuật điện 04-K68	68	Trường Điện - Điện tử	89	3.74	B
167	20231861	Nguyễn Xuân Toàn	Kỹ thuật điện 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	82	3.7	B
168	20231667	Nguyễn Huy Anh	Kỹ thuật điện 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	88	3.53	B
169	20231770	Bùi Tuấn Kiệt	Kỹ thuật điện 05-K68	68	Trường Điện - Điện tử	82	3.53	B
170	20231847	Nguyễn Gia Nam Thắng	Kỹ thuật điện 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	100	3.52	B
171	20231754	Đinh Xuân Thái Hưng	Kỹ thuật điện 04-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.5	B
172	20234014	Trần Quang Khải	CTTT HT nhúng & IoT 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	100	4	A
173	20233343	Đinh Đức Dũng	Điện tử 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
174	20233944	Lương Sơn Tùng	CTTT Điện tử 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
175	20233273	Phan Văn Bắc	Điện tử 08-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
176	20233941	Trần Thị Bích Trâm	CTTT Điện tử 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
177	20233557	Nguyễn Công Anh Nguyên	Điện tử 06-K68	68	Trường Điện - Điện tử	92	4	A
178	20233408	Đinh Ngọc Hoàng	Điện tử 11-K68	68	Trường Điện - Điện tử	92	4	A
179	20233407	Phạm Hùng Hòa	Điện tử 10-K68	68	Trường Điện - Điện tử	92	4	A
180	20233666	Trần Thị Thanh Thủy	CTTN-KT điện tử-VT-K68	68	Trường Điện - Điện tử	92	4	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
181	20233260	Nguyễn Việt Anh	CTTN-KT điện tử-VT-K68	68	Trường Điện - Điện tử	97	3.94	A
182	20233870	Nguyễn Thành Nam	CTTT TTS & KT đa phương tiện 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.94	A
183	20233884	Nguyễn Quang Tùng	CTTT TTS & KT đa phương tiện 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.94	A
184	20233252	Nguyễn Đình Anh	CTTN-KT điện tử-VT-K68	68	Trường Điện - Điện tử	100	3.93	A
185	20234026	Phạm Triệu Minh	CTTT HT nhúng & IoT 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.93	A
186	20233478	Phạm Thế Trung Kiên	Điện tử 04-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.92	A
187	20233646	Lê Tiến Thành	Điện tử 07-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.92	A
188	20233692	Phùng Anh Tú	CTTN-KT điện tử-VT-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.92	A
189	20233452	Nguyễn Quang Huy	Điện tử 11-K68	68	Trường Điện - Điện tử	95	3.91	A
190	20233511	Trần Hồng Long	CTTN-KT điện tử-VT-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.91	A
191	20233516	Đinh Thị Tuyết Mai	CTTN-KT điện tử-VT-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.91	A
192	20233312	Trần Thành Đạt	Điện tử 03-K68	68	Trường Điện - Điện tử	91	3.91	A
193	20233365	Lưu Mạnh Duy	Điện tử 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	96	3.9	A
194	20233378	Phạm Hồng Hà	Điện tử 03-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.89	A
195	20233685	Lưu Duy Trường	Điện tử 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.89	A
196	20233879	Nguyễn Hương Thảo	CTTT TTS & KT đa phương tiện 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.89	A
197	20233881	Hà Huyền Thu	CTTT TTS & KT đa phương tiện 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.89	A
198	20233637	Nguyễn Đức Thắng	Điện tử 09-K68	68	Trường Điện - Điện tử	94	3.88	A
199	20233458	Nguyễn Văn Khang	CTTN-KT điện tử-VT-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.88	A
200	20233869	Nguyễn Diệu My	CTTT TTS & KT đa phương tiện 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.88	A
201	20233385	Vũ Thanh Hằng	CTTN-KT điện tử-VT-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.88	A
202	20233331	Nguyễn Minh Đức	Điện tử 11-K68	68	Trường Điện - Điện tử	96	3.87	A
203	20233470	Nguyễn Thế Khôi	Điện tử 07-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.87	A
204	20233445	Lê Việt Huy	CTTN-KT điện tử-VT-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.86	A
205	20233233	Bùi Thị Thu An	Điện tử 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	91	3.84	A
206	20233593	Hà Trọng Quân	Điện tử 09-K68	68	Trường Điện - Điện tử	96	3.83	A
207	20233404	Vũ Trung Hiếu	Điện tử 07-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.83	A
208	20233832	Vũ Xuân Anh	CTTT TTS & KT đa phương tiện 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.82	A
209	20233660	Bùi Đoàn Như Thịnh	CTTN-KT điện tử-VT-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.82	A
210	20233380	Nguyễn Đăng Hải	Điện tử 05-K68	68	Trường Điện - Điện tử	97	3.79	A
211	20232016	Trần Minh Đức	KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	97	4	A
212	20232449	Nguyễn Hoàng Anh	CTTT KT Điều khiển-Tự động hóa 03-K68	68	Trường Điện - Điện tử	94	4	A
213	20232368	Vũ Anh Văn	KT Điều khiển-Tự động hóa 10-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
214	20232204	Lê Duy Nam	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
215	20232246	Vũ Hồng Phúc	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
216	20231953	Hoàng Quốc Cường	KT Điều khiển-Tự động hóa 03-K68	68	Trường Điện - Điện tử	92	4	A
217	20232042	Nguyễn Phan Anh Duy	KT Điều khiển-Tự động hóa 07-K68	68	Trường Điện - Điện tử	92	4	A
218	20231961	Tiêu Trần Duy Đại	KT Điều khiển-Tự động hóa 11-K68	68	Trường Điện - Điện tử	97	3.95	A
219	20232147	Tạ Hữu Khôi	KT Điều khiển-Tự động hóa 04-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.95	A
220	20231957	Nguyễn Minh Cường	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.94	A
221	20232011	Nguyễn Trung Đức	KT Điều khiển-Tự động hóa 08-K68	68	Trường Điện - Điện tử	92	3.94	A
222	20238420	Nguyễn Hải Long	KT Điều khiển-Tự động hóa 09-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.93	A
223	20231991	Trần Tiến Đạt	KT Điều khiển-Tự động hóa 09-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.92	A
224	20232206	Nguyễn Hải Nam	KT Điều khiển-Tự động hóa 10-K68	68	Trường Điện - Điện tử	92	3.91	A
225	20232459	Đặng Hải Đăng	CTTT KT Điều khiển-Tự động hóa 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.9	A
226	20232236	Nguyễn Nam Phong	KT Điều khiển-Tự động hóa 07-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.89	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
227	20230007	Ngô Đăng Hải	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.88	A
228	20232522	Nguyễn Tuấn Nguyên	CTTT KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.87	A
229	20231933	Lại Quốc Bảo	KT Điều khiển-Tự động hóa 04-K68	68	Trường Điện - Điện tử	92	3.87	A
230	20232077	Nguyễn Lê Chí Hiếu	KT Điều khiển-Tự động hóa 10-K68	68	Trường Điện - Điện tử	95	3.85	A
231	20231988	Quách Quang Đạt	KT Điều khiển-Tự động hóa 06-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.85	A
232	20231931	Đặng Gia Bảo	KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	92	3.85	A
233	20232136	Đặng Nam Khánh	KT Điều khiển-Tự động hóa 04-K68	68	Trường Điện - Điện tử	100	3.84	A
234	20231982	Nguyễn Toàn Đạt	KT Điều khiển-Tự động hóa 11-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.84	A
235	20232585	Bùi Nhật Minh	PFIEV Tin học công nghiệp và TĐH 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	94	3.81	A
236	20232365	Phạm Mạc Thanh Tùng	KT Điều khiển-Tự động hóa 07-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.81	A
237	20232067	Nguyễn Đức Hiệp	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.81	A
238	20230008	Lê Xuân Hoàng	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.81	A
239	20232507	Đinh Nhật Minh	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K68	68	Trường Điện - Điện tử	96	3.8	A
240	20231946	Nguyễn Văn Chính	KT Điều khiển-Tự động hóa 06-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.8	A
241	20232198	Bùi Hải Nam	KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	90	3.79	A
242	20232066	Hoàng Nguyên Hiệp	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K68	68	Trường Điện - Điện tử	96	3.78	A
243	20232347	Kiều Anh Tú	KT Điều khiển-Tự động hóa 11-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.78	A
244	20232247	Dương Thị Thu Phương	KT Điều khiển-Tự động hóa 09-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.78	A
245	20232291	Vũ Ngọc Sơn	KT Điều khiển-Tự động hóa 09-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.78	A
246	20238671	Lê Anh Dũng	Hàng không 01-K68	68	Trường Cơ khí	97	4	A
247	20238670	Hoa Tấn Dũng	Hàng không 02-K68	68	Trường Cơ khí	97	4	A
248	20238850	Ngô Dương Nhật	PFIEV CK hàng không 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	4	A
249	20238666	Đỗ Anh Đức	Hàng không 02-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.9	A
250	20238679	Nguyễn Trường Giang	Hàng không 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.83	A
251	20238682	Nguyễn Minh Hiếu	Hàng không 02-K68	68	Trường Cơ khí	97	3.78	A
252	20238285	Bùi Hữu Tân	Vật lý Y khoa 01-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	92	3.73	A
253	20238276	Trần Bích Ngọc	Vật lý Y khoa 01-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	90	3.71	A
254	20238256	Trịnh Quốc Hưng	Vật lý Y khoa 01-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	83	3.56	B
255	20238244	Phùng Đức Diễm	Vật lý Y khoa 01-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	89	3.5	B
256	20238295	Nguyễn Hồng Khánh Vân	Vật lý Y khoa 01-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.43	B
257	20231456	Nguyễn Trung Vân Anh	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	97	4	A
258	20231513	Ngạc Phi Long	CTTT Hóa dược 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	94	4	A
259	20231539	Phạm Thanh Thủy	CTTT Hóa dược 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	93	4	A
260	20230848	Trần Đức Hiếu	Kỹ thuật hóa học 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	100	3.94	A
261	20231518	Hoàng Hà My	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	93	3.94	A
262	20231549	Trần Quốc Việt	CTTT Hóa dược 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	90	3.94	A
263	20230877	Phạm Đức Hưng	Kỹ thuật hóa học 08-K68	68	Trường Hóa và KHSS	92	3.91	A
264	20231479	Nguyễn Xuân Tùng Dương	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	90	3.87	A
265	20231144	Ngô Duy Thái	Kỹ thuật hóa học 11-K68	68	Trường Hóa và KHSS	93	3.8	A
266	20231170	Bùi Văn Thọ	Kỹ thuật hóa học 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	96	3.75	A
267	20230847	Phan Công Hiếu	Kỹ thuật hóa học 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	93	3.75	A
268	20231472	Nguyễn Đăng Đạt	CTTT Hóa dược 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	92	3.75	A
269	20230871	Ngô Đình Hùng	Kỹ thuật hóa học 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	96	3.71	A
270	20231216	Nguyễn Thanh Tú	Kỹ thuật hóa học 11-K68	68	Trường Hóa và KHSS	90	3.69	A
271	20231467	Nguyễn Diệp Chi	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	97	3.68	A
272	20231124	Lê Thị Tố Quyên	Kỹ thuật hóa học 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	93	3.65	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
273	20231540	Trần Thị Thủy	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	93	3.62	A
274	20231016	Nguyễn Thị Trà My	Kỹ thuật hóa học 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	86	3.97	B
275	20231524	Phạm Yến Nhi	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	80	3.78	B
276	20231528	Lê Minh Phương	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	80	3.73	B
277	20230668	Nguyễn Kỳ Anh	Kỹ thuật hóa học 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	89	3.69	B
278	20231534	Phạm Thị Tâm	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	89	3.61	B
279	20231546	Lê Sơn Tùng	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	86	3.61	B
280	20231473	Phạm Thị Doan	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	81	3.6	B
281	20230001	Đỗ Đình Chiến	Kỹ thuật hóa học 09-K68	68	Trường Hóa và KHSS	90	3.59	B
282	20231542	Nguyễn Huy Tôn	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	84	3.59	B
283	20231516	Ngô Tiến Minh	CTTT Hóa dược 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	97	3.57	B
284	20231547	Phạm Thu Uyên	CTTT Hóa dược 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	89	3.57	B
285	20230981	Phạm Ngọc Mai	Kỹ thuật hóa học 04-K68	68	Trường Hóa và KHSS	92	3.56	B
286	20231142	Vũ Minh Tâm	Kỹ thuật hóa học 09-K68	68	Trường Hóa và KHSS	91	3.55	B
287	20230792	Dương Đức Duy	Kỹ thuật hóa học 07-K68	68	Trường Hóa và KHSS	86	3.53	B
288	20231045	Lê Thị Ngọc	Kỹ thuật hóa học 08-K68	68	Trường Hóa và KHSS	83	3.53	B
289	20234236	Đinh Văn Thọ	KT in 01-K68	68	Trường Vật liệu	93	3.83	A
290	20231408	Nguyễn Tùng Dương	KT in 01-K68	68	Trường Vật liệu	89	3.39	B
291	20235256	Trần Dương An	Kỹ thuật máy tính 03-K68	68	Trường CNTT&TT	100	4	A
292	20235427	Vũ Quang Thắng	Kỹ thuật máy tính 01-K68	68	Trường CNTT&TT	96	4	A
293	20235274	Phạm Khắc Bình	Kỹ thuật máy tính 01-K68	68	Trường CNTT&TT	93	4	A
294	20235412	Chu Văn Sơn	Kỹ thuật máy tính 01-K68	68	Trường CNTT&TT	93	4	A
295	20235393	Lê Hồng Nhung	Kỹ thuật máy tính 01-K68	68	Trường CNTT&TT	92	4	A
296	20235386	Nguyễn Hoài Nam	Kỹ thuật máy tính 04-K68	68	Trường CNTT&TT	91	4	A
297	20235293	Phạm Tiến Đạt	Kỹ thuật máy tính 05-K68	68	Trường CNTT&TT	90	4	A
298	20235359	Trịnh Thiên Lam	Kỹ thuật máy tính 02-K68	68	Trường CNTT&TT	90	4	A
299	20235288	Phùng Đắc Cường	Kỹ thuật máy tính 05-K68	68	Trường CNTT&TT	96	3.93	A
300	20235439	Trần Ngọc Toàn	Kỹ thuật máy tính 03-K68	68	Trường CNTT&TT	100	3.91	A
301	20235453	Trịnh Minh Tuấn	Kỹ thuật máy tính 02-K68	68	Trường CNTT&TT	96	3.89	A
302	20234115	Lê Đắc Đạt	Môi trường 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	93	3.96	A
303	20234172	Trần Thị Minh Khuê	Môi trường 04-K68	68	Trường Hóa và KHSS	92	3.94	A
304	20234230	Phạm Thu Thảo	Môi trường 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	96	3.71	A
305	20234124	Đinh Thị Thùy Dung	Môi trường 04-K68	68	Trường Hóa và KHSS	89	3.65	B
306	20234239	Trần Anh Thương	Môi trường 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	97	3.52	B
307	20234247	Vũ Thị Quỳnh Trang	Môi trường 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	94	3.5	B
308	20234992	Nguyễn Thế Vinh	Nhiệt 03-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.86	A
309	20234876	Vương Đức Long	Nhiệt 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.75	A
310	20234806	Phan Anh Hào	Nhiệt 03-K68	68	Trường Cơ khí	100	3.69	A
311	20234721	Nguyễn Duy Hải Anh	Nhiệt 02-K68	68	Trường Cơ khí	96	3.69	A
312	20234861	Cao Ngọc Tùng Lâm	Nhiệt 04-K68	68	Trường Cơ khí	92	3.68	A
313	20234991	Nguyễn Quang Vinh	Nhiệt 02-K68	68	Trường Cơ khí	91	3.6	A
314	20234949	Nguyễn Thị Thành	Nhiệt 02-K68	68	Trường Cơ khí	84	3.6	B
315	20234828	Bùi Xuân Hùng	Nhiệt 01-K68	68	Trường Cơ khí	88	3.59	B
316	20234763	Nguyễn Mạnh Đạt	Nhiệt 02-K68	68	Trường Cơ khí	87	3.55	B
317	20234764	Nguyễn Mậu Đạt	Nhiệt 03-K68	68	Trường Cơ khí	97	3.5	B
318	20234904	Lưu Thị Ánh Nguyệt	Nhiệt 05-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.48	B

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
319	20234851	Nguyễn Quốc Khánh	Nhiệt 06-K68	68	Trường Cơ khí	87	3.48	B
320	20238411	Vũ Văn Kiên	KT ô tô 02-K68	68	Trường Cơ khí	93	4	A
321	20238416	Mạc Tuấn Linh	KT ô tô 02-K68	68	Trường Cơ khí	93	4	A
322	20238503	Đỗ Đình Tuân	KT ô tô 04-K68	68	Trường Cơ khí	91	4	A
323	20238434	Nguyễn Hải Minh	KT ô tô 05-K68	68	Trường Cơ khí	100	3.94	A
324	20238414	Nguyễn Tùng Lâm	KT ô tô 05-K68	68	Trường Cơ khí	91	3.93	A
325	20238310	Trần Tuấn Anh	KT ô tô 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.92	A
326	20238465	Nguyễn Minh Quân	KT ô tô 01-K68	68	Trường Cơ khí	96	3.83	A
327	20238330	Nguyễn Văn Đàm	KT ô tô 01-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.82	A
328	20238813	Tô Minh Thành	CTTT ô tô 02-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.76	A
329	20238400	Phạm Quang Huy	KT ô tô 01-K68	68	Trường Cơ khí	94	3.75	A
330	20238397	Nguyễn Như Huy	KT ô tô 03-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.75	A
331	20238377	Ngô Việt Hoàng	KT ô tô 03-K68	68	Trường Cơ khí	100	3.74	A
332	20238402	Trần Lâm Huy	KT ô tô 03-K68	68	Trường Cơ khí	90	3.69	A
333	20238442	Dương Hồng Nam	KT ô tô 03-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.68	A
334	20238454	Vương Tiến Phát	KT ô tô 05-K68	68	Trường Cơ khí	93	3.68	A
335	20230263	Phạm Hương Thảo Linh	Kỹ thuật sinh học 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	96	3.94	A
336	20230640	Nguyễn Hoàng Việt	CTTT KT sinh học 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	90	3.82	A
337	20230641	Nguyễn Hà Vy	CTTT KT sinh học 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	96	3.76	A
338	20230619	Nguyễn Việt Hải	CTTT KT sinh học 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	93	3.71	A
339	20230260	Nguyễn Ngọc Linh	Kỹ thuật sinh học 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	94	3.69	A
340	20230624	Ngô Diệu Linh	CTTT KT sinh học 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	93	3.65	A
341	20230357	Đỗ Ngọc Dung	Thực phẩm 05-K68	68	Trường Hóa và KHSS	100	4	A
342	20230335	Nguyễn Gia Bách	Thực phẩm 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	90	4	A
343	20230482	Vũ Thị Yến Nhi	Thực phẩm 05-K68	68	Trường Hóa và KHSS	100	3.91	A
344	20230461	Nguyễn Bảo Minh	Thực phẩm 04-K68	68	Trường Hóa và KHSS	92	3.9	A
345	20230452	Lý Quỳnh Mai	Thực phẩm 05-K68	68	Trường Hóa và KHSS	100	3.89	A
346	20230481	Trịnh Thị Vân Nhi	Thực phẩm 04-K68	68	Trường Hóa và KHSS	96	3.89	A
347	20230318	Nguyễn Quỳnh Anh	Thực phẩm 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	90	3.85	A
348	20230402	Cao Quốc Hưng	Thực phẩm 05-K68	68	Trường Hóa và KHSS	100	3.83	A
349	20230474	Trần Minh Ngọc	Thực phẩm 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	97	3.81	A
350	20230354	Đỗ Anh Đức	Thực phẩm 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	93	3.74	A
351	20230465	Nguyễn Hoài Nam	Thực phẩm 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	90	3.74	A
352	20230520	Nguyễn Thị Thu	Thực phẩm 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	90	3.74	A
353	20230484	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thực phẩm 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	96	3.69	A
354	20230495	Đinh Ngọc Quý	Thực phẩm 03-K68	68	Trường Hóa và KHSS	94	3.67	A
355	20237542	Phạm Văn Cường	Vật liệu 03-K68	68	Trường Vật liệu	100	4	A
356	20237753	Đặng Huyền Trang	Vật liệu 05-K68	68	Trường Vật liệu	97	4	A
357	20237521	Phan Việt Anh	Vật liệu 06-K68	68	Trường Vật liệu	96	4	A
358	20230099	Đỗ Quốc Tiệp	Vật liệu 02-K68	68	Trường Vật liệu	96	4	A
359	20237551	Nguyễn Hợp Đồng	Vật liệu 06-K68	68	Trường Vật liệu	92	4	A
360	20237515	Nguyễn Phan Hồng Anh	Vật liệu 06-K68	68	Trường Vật liệu	96	3.95	A
361	20237700	Đinh Văn Nhất Phong	Vật liệu 05-K68	68	Trường Vật liệu	93	3.94	A
362	20237588	Nguyễn Minh Hải	Vật liệu 01-K68	68	Trường Vật liệu	93	3.94	A
363	20237724	Nguyễn Ngọc Sơn	Vật liệu 05-K68	68	Trường Vật liệu	93	3.93	A
364	20237559	Nguyễn Thị Thùy Dung	Vật liệu 02-K68	68	Trường Vật liệu	93	3.91	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
365	20237735	Trần Anh Thái	Vật liệu 04-K68	68	Trường Vật liệu	95	3.82	A
366	20237984	Bùi Ngọc Trâm	CTTT Vật liệu 01-K68	68	Trường Vật liệu	93	3.82	A
367	20237500	Thái Đình Bảo An	Vật liệu 03-K68	68	Trường Vật liệu	100	3.79	A
368	20237744	Nguyễn Duy Thành	Vật liệu 01-K68	68	Trường Vật liệu	96	3.78	A
369	20237632	Lê Quang Huy	Vật liệu 03-K68	68	Trường Vật liệu	94	3.75	A
370	20237513	Nguyễn Đức Tuấn Anh	Vật liệu 04-K68	68	Trường Vật liệu	91	3.71	A
371	20233771	Đỗ Khánh Linh	KT Y sinh 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
372	20233760	Nguyễn Thị Lan Hương	KT Y sinh 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	96	3.92	A
373	20233754	Phạm Duy Hoàn	KT Y sinh 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.92	A
374	20233734	Nguyễn Thanh Bình	KT Y sinh 01-K68	68	Trường Điện - Điện tử	93	3.8	A
375	20233745	Nguyễn Tuấn Duy	KT Y sinh 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	100	3.79	A
376	20233787	Nguyễn Hoàng Tuấn Nghĩa	KT Y sinh 02-K68	68	Trường Điện - Điện tử	100	3.68	A
377	20233119	Nguyễn Trần Vân Anh	CTTT Logistics 03-K68	68	Trường Kinh tế	100	4	A
378	20233210	Vũ Thị Thanh	CTTT Logistics 01-K68	68	Trường Kinh tế	93	4	A
379	20233216	Đặng Trọng Tín	CTTT Logistics 01-K68	68	Trường Kinh tế	93	4	A
380	20233225	Nguyễn Hoàng Cẩm Tú	CTTT Logistics 01-K68	68	Trường Kinh tế	93	3.93	A
381	20233128	Võ Thị Thanh Bình	CTTT Logistics 03-K68	68	Trường Kinh tế	96	3.86	A
382	20234544	Nguyễn Gia Thắng	Tiếng Anh KHKT 02-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	93	3.95	A
383	20234555	Nguyễn Thị Mai Thục	Tiếng Anh KHKT 01-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	100	3.82	A
384	20234388	Hoàng Thị Ngọc Anh	Tiếng Anh KHKT 02-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	94	3.8	A
385	20234466	Nguyễn Thảo Hương	Tiếng Anh KHKT 02-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	94	3.78	A
386	20234637	Lưu Thị Khánh Huyền	Tiếng Anh IPE 01-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	92	3.78	A
387	20234579	Trịnh Văn Hoàng Vũ	Tiếng Anh KHKT 01-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	97	3.75	A
388	20234408	Nguyễn Ngọc Bích	Tiếng Anh KHKT 04-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	93	3.73	A
389	20234405	Vũ Thị Hải Anh	Tiếng Anh KHKT 01-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	92	3.67	A
390	20234659	Vũ Ngọc Phương Linh	Tiếng Anh IPE 02-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	96	3.64	A
391	20234600	Bùi Phương Ánh	Tiếng Anh IPE 03-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	92	3.64	A
392	20234418	Trần Thành Đạt	Tiếng Anh KHKT 02-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	89	3.9	B
393	20234664	Lê Thị Mai	Tiếng Anh IPE 01-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	84	3.78	B
394	20234425	Lê Văn Mạnh Dũng	Tiếng Anh KHKT 03-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	80	3.7	B
395	20234652	Nguyễn Thị Hải Linh	Tiếng Anh IPE 01-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	87	3.61	B
396	20234697	Vũ Thanh Thảo	Tiếng Anh IPE 01-K68	68	Khoa Ngoại ngữ	83	3.61	B
397	20232717	Nguyễn Tuấn Lưu	Quản lý công nghiệp 01-K68	68	Trường Kinh tế	93	4	A
398	20232714	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Quản lý công nghiệp 02-K68	68	Trường Kinh tế	92	4	A
399	20232690	Nguyễn Thị Hiên	Quản lý công nghiệp 02-K68	68	Trường Kinh tế	96	3.93	A
400	20234335	Hà Cẩm Ly	Quản lý Tài nguyên & MT 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	93	4	A
401	20234346	Trần Nguyễn Hạnh Nguyên	Quản lý Tài nguyên & MT 02-K68	68	Trường Hóa và KHSS	96	3.83	A
402	20234341	Hà Quang Minh	Quản lý Tài nguyên & MT 01-K68	68	Trường Hóa và KHSS	80	3.69	B
403	20233023	Đỗ Thị Linh Chi	CTTT Phân tích KD 02-K68	68	Trường Kinh tế	96	4	A
404	20233033	Lê Bá Đức	CTTT Phân tích KD 02-K68	68	Trường Kinh tế	96	4	A
405	20233016	Nguyễn Thị Mai Anh	CTTT Phân tích KD 01-K68	68	Trường Kinh tế	93	4	A
406	20233050	Nguyễn Minh Hoàng	CTTT Phân tích KD 01-K68	68	Trường Kinh tế	93	4	A
407	20233071	Lê Khánh Ly	CTTT Phân tích KD 02-K68	68	Trường Kinh tế	93	4	A
408	20232798	Nguyễn Thị Mai Lan	Quản trị kinh doanh 01-K68	68	Trường Kinh tế	93	4	A
409	20232766	Vũ Vân Chi	Quản trị kinh doanh 02-K68	68	Trường Kinh tế	91	3.91	A
410	20233076	Phan Nhật Minh	CTTT Phân tích KD 01-K68	68	Trường Kinh tế	93	3.9	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
411	20232998	Nguyễn Thị Thúy	Tài chính ngân hàng 01-K68	68	Trường Kinh tế	96	4	A
412	20232965	Phạm Văn Kiên	Tài chính ngân hàng 01-K68	68	Trường Kinh tế	93	3.78	A
413	20237401	Nguyễn Minh Tuệ	Toán-Tin 01-K68	68	Khoa Toán - Tin	96	4	A
414	20237365	Nguyễn Đình Minh	Toán-Tin 01-K68	68	Khoa Toán - Tin	96	4	A
415	20237296	Tạ Quang Anh	Toán-Tin 01-K68	68	Khoa Toán - Tin	93	4	A
416	20237328	Vũ Công Hiệp	Toán-Tin 03-K68	68	Khoa Toán - Tin	93	4	A
417	20232319	Nguyễn Ngọc Thuận	Toán-Tin 03-K68	68	Khoa Toán - Tin	96	3.91	A
418	20238177	Đào Thanh Xuân	Vật lý 03-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.93	A
419	20238145	Đỗ Thị Thu Thảo	Vật lý 03-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.82	A
420	20238107	Đỗ Đức Nam	Vật lý 01-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	91	3.82	A
421	20238063	Nguyễn Huy Hoàng	Vật lý 01-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.79	A
422	20238006	Lê Thị Ngọc Ánh	Vật lý 04-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	92	3.79	A
423	20238163	Đào Duy Tùng	Vật lý 01-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	90	3.79	A
424	20238075	Nguyễn Lương Huy	Vật lý 01-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	90	3.78	A
425	20238298	Nguyễn Thị Lê Vy	Vật lý 04-K68	68	Khoa Vật lý kỹ thuật	96	3.77	A
426	202416796	Lê Đăng Hiếu	CTTT An toàn không gian số 01-K69	69	Trường CNTT&TT	98	3.83	A
427	202416784	Trần Việt Cường	CTTT An toàn không gian số 01-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.81	A
428	202416792	Nguyễn Minh Hằng	CTTT An toàn không gian số 01-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.78	A
429	202421334	Nguyễn Thị Hương	Dệt May 01-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.85	A
430	202421314	Nguyễn Thu Hằng	Dệt May 02-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.83	A
431	202421569	Nguyễn Thị Quỳnh	Dệt May 05-K69	69	Trường Vật liệu	91	3.83	A
432	202421535	Trần Khánh Ly	Dệt May 06-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.73	A
433	202421304	Phạm Thị Dung	Dệt May 06-K69	69	Trường Vật liệu	89	3.82	B
434	202421422	Nguyễn Mỹ Tâm	Dệt May 05-K69	69	Trường Vật liệu	81	3.81	B
435	202421521	Nguyễn Hải Yến	Dệt May 06-K69	69	Trường Vật liệu	86	3.66	B
436	202421294	Tống Đức Chinh	Dệt May 03-K69	69	Trường Vật liệu	84	3.63	B
437	202421438	Lê Thu Hoài	Dệt May 07-K69	69	Trường Vật liệu	85	3.6	B
438	202421341	Nguyễn Khánh Huyền	Dệt May 01-K69	69	Trường Vật liệu	87	3.58	B
439	202421511	Nguyễn Như Thành	Dệt May 03-K69	69	Trường Vật liệu	97	3.53	B
440	202421603	Trần Anh Tuấn	Dệt May 04-K69	69	Trường Vật liệu	88	3.53	B
441	202421585	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Dệt May 07-K69	69	Trường Vật liệu	96	3.47	B
442	202421608	Lê Ánh Tuyết	Dệt May 02-K69	69	Trường Vật liệu	91	3.47	B
443	202421410	Ngô Thị Hồng Nhung	Dệt May 07-K69	69	Trường Vật liệu	83	3.42	B
444	202411991	Trần Thế Quang	Công nghệ giáo dục 03-K69	69	Khoa KH&CN Giáo dục	97	4	A
445	202411983	Vũ Minh Phát	Công nghệ giáo dục 01-K69	69	Khoa KH&CN Giáo dục	96	3.89	A
446	202412003	Nguyễn Công Thắng	Công nghệ giáo dục 03-K69	69	Khoa KH&CN Giáo dục	91	3.89	A
447	202411985	Hoàng Mạc Gia Phú	Công nghệ giáo dục 03-K69	69	Khoa KH&CN Giáo dục	100	3.88	A
448	202411980	Đặng Nguyễn Yến Nhi	Công nghệ giáo dục 01-K69	69	Khoa KH&CN Giáo dục	100	3.83	A
449	202417032	Đỗ Quang Thắng	Việt Nhật 03-K69	69	Trường CNTT&TT	97	4	A
450	202417173	Nguyễn Trà My	ICT 01-K69	69	Trường CNTT&TT	96	4	A
451	202417205	Nguyễn Ngọc Toàn	ICT 01-K69	69	Trường CNTT&TT	96	4	A
452	202417070	Đỗ Lê Thanh Tùng	Việt Nhật 01-K69	69	Trường CNTT&TT	96	4	A
453	202417108	Đỗ Huy Du	ICT 02-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
454	202417116	Nguyễn Tiến Dũng	ICT 02-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
455	202417142	Nguyễn Khắc Khiêm	ICT 02-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
456	202417052	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Việt Nhật 03-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
457	202417072	Ngô Thị Phương Uyên	Việt Nhật 03-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
458	202416866	Phạm Quốc Bảo	Việt Nhật 01-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
459	202417085	Lê Quốc Vững	Việt Nhật 04-K69	69	Trường CNTT&TT	91	4	A
460	202417241	Nguyễn Đình Huy	CNTT Việt Pháp 01-K69	69	Trường CNTT&TT	92	3.96	A
461	202417159	Hoàng Bảo Long	ICT 01-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.95	A
462	202417016	Nguyễn Thiện Quang	Việt Nhật 03-K69	69	Trường CNTT&TT	90	3.95	A
463	202416886	Nguyễn Xuân Thành Đoàn	Việt Nhật 01-K69	69	Trường CNTT&TT	90	3.95	A
464	202417243	Phạm Gia Kiên	CNTT Việt Pháp 01-K69	69	Trường CNTT&TT	90	3.95	A
465	202417165	Bùi Quang Minh	ICT 01-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.94	A
466	202416974	Chu Quang Lượng	Việt Nhật 01-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.94	A
467	202417093	Hoàng Anh	ICT 01-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.93	A
468	202417181	Tạ Nguyễn Minh Phương	ICT 01-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.93	A
469	202416950	Đồng Gia Khánh	Việt Nhật 01-K69	69	Trường CNTT&TT	100	3.92	A
470	202416928	Phạm Minh Hùng	Việt Nhật 03-K69	69	Trường CNTT&TT	96	3.91	A
471	202419753	Hoàng Văn Sơn	Vật liệu Polyme & Compozit 01-K69	69	Trường Vật liệu	93	4	A
472	202419747	Lê Minh Quân	Vật liệu Polyme & Compozit 01-K69	69	Trường Vật liệu	90	3.89	A
473	202419681	Khúc Văn Đức	Vật liệu Polyme & Compozit 01-K69	69	Trường Vật liệu	95	3.79	A
474	202419659	Nguyễn Đức Anh	Vật liệu Polyme & Compozit 01-K69	69	Trường Vật liệu	96	3.63	A
475	202419758	Phạm Đức Thắng	Vật liệu Polyme & Compozit 02-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.25	B
476	202419743	Phan Đức Phú	Vật liệu Polyme & Compozit 01-K69	69	Trường Vật liệu	65	3.52	C
477	202419119	Nguyễn Hồng Vân	HT thông tin quản lý 02-K69	69	Khoa Toán - Tin	96	3.94	A
478	202419087	Cao Văn Phú	HT thông tin quản lý 02-K69	69	Khoa Toán - Tin	100	3.91	A
479	202419090	Cao Đỗ Hoàng Sơn	HT thông tin quản lý 01-K69	69	Khoa Toán - Tin	96	3.83	A
480	202419101	Nguyễn Thị Thảo	HT thông tin quản lý 02-K69	69	Khoa Toán - Tin	96	3.82	A
481	202419036	Phạm Huệ Chi	HT thông tin quản lý 01-K69	69	Khoa Toán - Tin	92	3.82	A
482	202411533	Nguyễn Phương Anh	Hóa học 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	92	3.94	A
483	202411615	Nguyễn Ngọc Hiếu	Hóa học 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.83	A
484	202411513	Nhữ Thị Trúc An	Hóa học 05-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.78	A
485	202411640	Nguyễn Đăng Huy	Hóa học 04-K69	69	Trường Hóa và KHSS	85	3.73	B
486	202411519	Nguyễn Ngọc Anh	Hóa học 05-K69	69	Trường Hóa và KHSS	87	3.71	B
487	202411797	Ngô Phương Uyên	Hóa học 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	100	3.58	B
488	202411550	Vũ Đức Bách	Hóa học 05-K69	69	Trường Hóa và KHSS	86	3.58	B
489	202411695	Nguyễn Vũ Trà My	Hóa học 04-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.56	B
490	202411730	Dương Danh Phong	Hóa học 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	89	3.53	B
491	202411638	Nguyễn Phú Hưng	Hóa học 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	89	3.5	B
492	202411518	Đỗ Mai Anh	Hóa học 04-K69	69	Trường Hóa và KHSS	92	3.44	B
493	202411593	Phạm Thị Hà Giang	Hóa học 05-K69	69	Trường Hóa và KHSS	86	3.44	B
494	202411606	Vũ Thị Thu Hằng	Hóa học 06-K69	69	Trường Hóa và KHSS	80	3.44	B
495	202411727	Phan Thị Phương Oanh	Hóa học 06-K69	69	Trường Hóa và KHSS	83	3.41	B
496	202411528	Hoàng Lê Tuấn Anh	Hóa học 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.4	B
497	202413541	Trần Văn Quyến	Kế toán 01-K69	69	Trường Kinh tế	96	3.72	A
498	202413504	Nguyễn Thị Phương Huyền	Kế toán 02-K69	69	Trường Kinh tế	93	3.7	A
499	202413563	Đàm Thảo Vy	Kế toán 01-K69	69	Trường Kinh tế	100	3.68	A
500	202413467	Bùi Lê Hoàng An	Kế toán 01-K69	69	Trường Kinh tế	92	3.68	A
501	202400103	Trần Nam Hải	CTTT Data Science & AI 02-K69	69	Trường CNTT&TT	100	4	A
502	202416713	Nguyễn Vũ Trung Kiên	CTTT Data Science & AI 02-K69	69	Trường CNTT&TT	96	4	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
503	202416655	Nguyễn Hữu Đức Anh	CTTT Data Science & AI 01-K69	69	Trường CNTT&TT	96	4	A
504	202416721	Đinh Tuấn Minh	CTTT Data Science & AI 01-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
505	202416765	Đặng Hoàng Việt	CTTT Data Science & AI 03-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
506	202416109	Vũ Văn An	Khoa học máy tính 04-K69	69	Trường CNTT&TT	100	4	A
507	202416382	Đào Anh Tú	Khoa học máy tính 04-K69	69	Trường CNTT&TT	100	4	A
508	202416408	Nguyễn Thị Thảo Vy	Khoa học máy tính 02-K69	69	Trường CNTT&TT	100	4	A
509	202416131	Lưu Phúc Bảo	Khoa học máy tính 05-K69	69	Trường CNTT&TT	96	4	A
510	202416236	Hoàng Nguyên Khang	Khoa học máy tính 05-K69	69	Trường CNTT&TT	96	4	A
511	202416224	Mạnh Hà Huy	Khoa học máy tính 07-K69	69	Trường CNTT&TT	96	4	A
512	202416201	Đặng Trung Hiếu	Khoa học máy tính 05-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
513	202416256	Phan Đức Kiên	Khoa học máy tính 04-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
514	202416278	Hồ Viết Mạnh	Khoa học máy tính 05-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
515	202416111	Nguyễn Quang Anh	Khoa học máy tính 06-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
516	202416339	Nguyễn Văn Sơn	Khoa học máy tính 03-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
517	202416351	Nguyễn Sỹ Thành	Khoa học máy tính 01-K69	69	Trường CNTT&TT	90	4	A
518	202416113	Nguyễn Hùng Anh	Khoa học máy tính 01-K69	69	Trường CNTT&TT	100	3.95	A
519	202416316	Lê Quang Phúc	Khoa học máy tính 01-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.95	A
520	202416325	Lê Anh Quân	Khoa học máy tính 03-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.95	A
521	202416124	Trần Tuấn Anh	CTTN-Khoa học máy tính-K69	69	Trường CNTT&TT	92	3.95	A
522	202416403	Hà Lương Thành Vinh	Khoa học máy tính 04-K69	69	Trường CNTT&TT	96	3.94	A
523	202419564	Phạm Trí Kiên	Vi điện tử & CN nano 01-K69	69	Trường Vật liệu	100	4	A
524	202419588	Trần Bình Minh	Vi điện tử & CN nano 01-K69	69	Trường Vật liệu	97	4	A
525	202419593	Nguyễn Văn Nam	Vi điện tử & CN nano 02-K69	69	Trường Vật liệu	94	4	A
526	202419644	Lê Anh Tuấn	Vi điện tử & CN nano 01-K69	69	Trường Vật liệu	93	4	A
527	202419479	Nguyễn Trung Chiến	Vi điện tử & CN nano 04-K69	69	Trường Vật liệu	93	4	A
528	202419547	Hồ Nguyễn Quang Huy	Vi điện tử & CN nano 04-K69	69	Trường Vật liệu	92	4	A
529	202419480	Nguyễn Huy Chương	Vi điện tử & CN nano 01-K69	69	Trường Vật liệu	92	4	A
530	202419539	Lê Xuân Hưng	Vi điện tử & CN nano 04-K69	69	Trường Vật liệu	96	3.95	A
531	202419551	Phạm Đức Huy	Vi điện tử & CN nano 04-K69	69	Trường Vật liệu	90	3.95	A
532	202419576	Đoàn Văn Long	Vi điện tử & CN nano 01-K69	69	Trường Vật liệu	96	3.94	A
533	202413154	Đỗ Tuấn Phong	Quản lý năng lượng 01-K69	69	Trường Kinh tế	93	3.82	A
534	202413155	Châu Tấn Phong	Quản lý năng lượng 01-K69	69	Trường Kinh tế	100	3.68	A
535	202417403	Lê Đăng Hiếu	Cơ điện tử 05-K69	69	Trường Cơ khí	100	4	A
536	202417405	Phạm Trung Hiếu	Cơ điện tử 07-K69	69	Trường Cơ khí	100	4	A
537	202417344	Nguyễn Hà Nhật Đồng	Cơ điện tử 02-K69	69	Trường Cơ khí	96	4	A
538	202417502	Nguyễn Công Minh	CTTN-Cơ điện tử-K69	69	Trường Cơ khí	95	4	A
539	202417380	Nguyễn Vũ Duy	Cơ điện tử 03-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.94	A
540	202418554	Bùi Tiến Sáng	CTTT Cơ điện tử 03-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.94	A
541	202417388	Nguyễn Bá Hậu	Cơ điện tử 04-K69	69	Trường Cơ khí	92	3.94	A
542	202417555	Trần Đức Thắng	Cơ điện tử 03-K69	69	Trường Cơ khí	90	3.94	A
543	202417589	Lê Xuân Trường	Cơ điện tử 02-K69	69	Trường Cơ khí	92	3.92	A
544	202417332	Trần Tiến Đạt	Cơ điện tử 04-K69	69	Trường Cơ khí	91	3.9	A
545	202417303	Lê Văn Bình	Cơ điện tử 03-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.89	A
546	202417384	Bùi Văn Hải	Cơ điện tử 07-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.89	A
547	202418577	Nguyễn Đức Trí	CTTT Cơ điện tử 02-K69	69	Trường Cơ khí	91	3.89	A
548	202418542	Trịnh Thế Phong	CTTT Cơ điện tử 03-K69	69	Trường Cơ khí	90	3.89	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
549	202417291	Nguyễn Đức Anh	Cơ điện tử 05-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.88	A
550	202417462	Lê Huy Kiên	Cơ điện tử 01-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.88	A
551	202417366	Phùng Minh Dương	Cơ điện tử 03-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.88	A
552	202417595	Đàm Đức Tuấn	Cơ điện tử 01-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.88	A
553	202417374	Tạ Đức Duy	Cơ điện tử 04-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.86	A
554	202417339	Trần Chí Độ	Cơ điện tử 04-K69	69	Trường Cơ khí	97	3.85	A
555	202417572	Hoàng Văn Tình	Cơ điện tử 06-K69	69	Trường Cơ khí	96	3.81	A
556	202418486	Trần Minh Khoa	CTTN-Cơ điện tử-K69	69	Trường Cơ khí	95	3.81	A
557	202418668	Lương Nhật Minh	ME-LUH 01-K69	69	Trường Cơ khí	100	3.8	A
558	202417320	Đào Xuân Danh	Cơ điện tử 06-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.8	A
559	202417438	Hoàng Trọng Huy	Cơ điện tử 05-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.79	A
560	202417377	Đồng Xuân Duy	Cơ điện tử 07-K69	69	Trường Cơ khí	91	3.79	A
561	202417573	Trần Văn Tĩnh	Cơ điện tử 07-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.78	A
562	202418532	Phạm Đăng Nam	CTTT Cơ điện tử 01-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.78	A
563	202417322	Nguyễn Đồng Đạo	Cơ điện tử 01-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.76	A
564	202417402	Phạm Minh Hiếu	Cơ điện tử 04-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.76	A
565	202417509	Nguyễn Thành Nam	Cơ điện tử 06-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.76	A
566	202418750	Vũ Hoàng Huy	ME-NUT 01-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.76	A
567	202417526	Đoàn Đại Phong	Cơ điện tử 02-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.75	A
568	202417318	Nguyễn Hải Đăng	Cơ điện tử 04-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.75	A
569	202418642	Đào Minh Đạt	ME-LUH 01-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.75	A
570	202417346	Lê Anh Đức	Cơ điện tử 04-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.72	A
571	202417528	Nguyễn Vũ Kỳ Phong	CTTN-Cơ điện tử-K69	69	Trường Cơ khí	96	3.7	A
572	202418509	Đỗ Trọng Vũ Mạnh	CTTT Cơ điện tử 02-K69	69	Trường Cơ khí	96	3.69	A
573	202417461	Vũ Mạnh Khôi	CTTN-Cơ điện tử-K69	69	Trường Cơ khí	92	3.69	A
574	202417522	Phùng Hiểu Phong	Cơ điện tử 05-K69	69	Trường Cơ khí	100	3.68	A
575	202417768	Vũ Văn Duẩn	Cơ khí 07-K69	69	Trường Cơ khí	96	4	A
576	202420921	Phan Minh Huy	Cơ khí 14-K69	69	Trường Cơ khí	93	4	A
577	202417802	Nguyễn Hữu Dũng	Cơ khí 09-K69	69	Trường Cơ khí	93	4	A
578	202417776	Nguyễn Lê Nhật Đức	Cơ khí 15-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.95	A
579	202417876	Nguyễn Đình Hiếu	Cơ khí 03-K69	69	Trường Cơ khí	90	3.94	A
580	202417782	Lê Minh Đức	Cơ khí 05-K69	69	Trường Cơ khí	98	3.93	A
581	202418630	Phạm Anh Tú	ME-GU 01-K69	69	Trường Cơ khí	96	3.93	A
582	202418064	Diêm Xuân Mạnh	Cơ khí 15-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.92	A
583	202418190	Đặng Hoàng Sang	Cơ khí 13-K69	69	Trường Cơ khí	96	3.91	A
584	202417688	Phạm Văn Bình	Cơ khí 07-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.91	A
585	202417829	Cao Xuân Duy	Cơ khí 04-K69	69	Trường Cơ khí	92	3.91	A
586	202417968	Vũ Mạnh Huy	Cơ khí 15-K69	69	Trường Cơ khí	90	3.91	A
587	202417890	Trần Minh Hiếu	Cơ khí 01-K69	69	Trường Cơ khí	91	3.84	A
588	202418080	Nghiêm Quang Minh	Cơ khí 15-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.83	A
589	202418044	Nguyễn Ngọc Long	Cơ khí 11-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.82	A
590	202417787	Chu Anh Đức	Cơ khí 10-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.79	A
591	202417667	Trương Trọng Bằng	Cơ khí 02-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.79	A
592	202418110	Triệu Giang Nam	Cơ khí 13-K69	69	Trường Cơ khí	95	3.75	A
593	202417874	Phạm Minh Hiếu	Cơ khí 01-K69	69	Trường Cơ khí	91	3.75	A
594	202417656	Vũ Tuấn Anh	Cơ khí 07-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.72	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
595	202417816	Nguyễn Đức Dương	Cơ khí 07-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.72	A
596	202417933	Nguyễn Văn Hùng	Cơ khí 12-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.69	A
597	202418168	Vũ Văn Quang	Cơ khí 07-K69	69	Trường Cơ khí	91	3.69	A
598	202418249	Vũ Đức Thiêm	Cơ khí 08-K69	69	Trường Cơ khí	94	3.68	A
599	202417708	Vũ Mạnh Cường	Cơ khí 11-K69	69	Trường Cơ khí	92	3.68	A
600	202417749	Đào Duy Đạt	Cơ khí 04-K69	69	Trường Cơ khí	96	3.66	A
601	202418276	Giáp Thanh Toàn	Cơ khí 03-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.64	A
602	202418130	Lê Thị Nhanh	Cơ khí 01-K69	69	Trường Cơ khí	96	3.63	A
603	202417721	Nguyễn Việt Cường	Cơ khí 08-K69	69	Trường Cơ khí	96	3.63	A
604	202417664	Lê Văn Ba	Cơ khí 15-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.63	A
605	202417760	Lại Thế Điều	Cơ khí 15-K69	69	Trường Cơ khí	90	3.63	A
606	202418027	Nguyễn Hữu Kiệt	Cơ khí 10-K69	69	Trường Cơ khí	90	3.63	A
607	202417991	Bạch Trọng Khánh	Cơ khí 06-K69	69	Trường Cơ khí	87	4	B
608	202418038	Nguyễn Quốc Linh	Cơ khí 05-K69	69	Trường Cơ khí	83	3.93	B
609	202418181	Nguyễn Thị Quyên	Cơ khí 04-K69	69	Trường Cơ khí	86	3.91	B
610	202417748	Đỗ Tiến Đạt	Cơ khí 03-K69	69	Trường Cơ khí	86	3.86	B
611	202417881	Nguyễn Minh Hiếu	Cơ khí 08-K69	69	Trường Cơ khí	80	3.76	B
612	202417854	Tạ Xuân Hải	Cơ khí 13-K69	69	Trường Cơ khí	86	3.69	B
613	202418627	Phan Văn Thắng	ME-GU 01-K69	69	Trường Cơ khí	80	3.68	B
614	202417672	Trương Gia Bảo	Cơ khí 07-K69	69	Trường Cơ khí	91	3.59	B
615	202420813	Đào Võ Viết Anh	CK động lực 01-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.65	A
616	202420784	Trần Như Nhật Anh	CK động lực 02-K69	69	Trường Cơ khí	92	3.65	A
617	202420767	Mai Đại Dương	CK động lực 03-K69	69	Trường Cơ khí	81	3.53	B
618	202420836	Phạm Huy Vũ	CK động lực 03-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.47	B
619	202420819	Mai Thế Quân	CK động lực 01-K69	69	Trường Cơ khí	84	3.47	B
620	202420840	Hoàng Phú Vinh	CK động lực 01-K69	69	Trường Cơ khí	96	3.45	B
621	202420781	Cao Hải Nam	CK động lực 02-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.44	B
622	202412310	Nguyễn Thị Kim Thúy	Kỹ thuật điện 03-K69	69	Trường Điện - Điện tử	100	4	A
623	202412292	Hồ Minh Tâm	Kỹ thuật điện 03-K69	69	Trường Điện - Điện tử	95	4	A
624	202412205	Chu Quang Huy	Kỹ thuật điện 06-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
625	202412193	Lương Mạnh Hùng	Kỹ thuật điện 06-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.9	A
626	202412272	Trần Thị Mai Phương	Kỹ thuật điện 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.88	A
627	202412188	Lê Đức Hoàng	Kỹ thuật điện 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	100	3.85	A
628	202412182	Vũ Minh Hiếu	Kỹ thuật điện 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.82	A
629	202412912	Lê Minh Quân	CTTT HT điện và NL tái tạo 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.76	A
630	202412875	Nguyễn Đức Duy	CTTT HT điện và NL tái tạo 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	97	3.74	A
631	202412147	Trần Bá Đức	Kỹ thuật điện 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	92	3.72	A
632	202412194	Nguyễn Tuấn Hùng	Kỹ thuật điện 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.68	A
633	202412916	Bùi Duy Thái	CTTT HT điện và NL tái tạo 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	100	3.63	A
634	202412894	Đỗ Thị Khánh Linh	CTTT HT điện và NL tái tạo 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	86	3.91	B
635	202412157	Tống Quang Dũng	Kỹ thuật điện 06-K69	69	Trường Điện - Điện tử	89	3.79	B
636	202412094	Phạm Lương Bảo An	Kỹ thuật điện 03-K69	69	Trường Điện - Điện tử	84	3.75	B
637	202412253	Phạm Văn Nam	Kỹ thuật điện 06-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.57	B
638	202414016	Nguyễn Đức Hải Đăng	Điện tử 08-K69	69	Trường Điện - Điện tử	100	4	A
639	202414966	Vũ Hoàng Việt Anh	ET-LUH 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	97	4	A
640	202414884	Đào Tiến Anh	CTTT HT nhúng & IoT 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	4	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
641	202414260	Đặng Tuấn Minh	Điện tử 12-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
642	202414223	Phạm Hữu Long	Điện tử 11-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
643	202414749	Đỗ Duy Mạnh	CTTT Điện tử 03-K69	69	Trường Điện - Điện tử	95	4	A
644	202413957	Trương Hoàng Anh	Điện tử 09-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
645	202414422	Nguyễn Phi Trường	Điện tử 06-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
646	202414388	Nguyễn Phi Thịnh	Điện tử 08-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
647	202414404	Vương Toàn Tới	Điện tử 12-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
648	202414240	Trần Đức Mạnh	Điện tử 04-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
649	202414401	Nguyễn Khánh Toàn	Điện tử 09-K69	69	Trường Điện - Điện tử	92	4	A
650	202414370	Nguyễn Đoàn Hồng Thái	CTTN-KT điện tử-VT-K69	69	Trường Điện - Điện tử	100	3.95	A
651	202414900	Nguyễn Minh Đức	CTTT HT nhúng & IoT 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	97	3.95	A
652	202413980	Hà Tuấn Anh	CTTN-KT điện tử-VT-K69	69	Trường Điện - Điện tử	92	3.95	A
653	202414130	Nguyễn Nhật Hoàng	Điện tử 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	3.92	A
654	202414027	Nguyễn Phát Đạt	Điện tử 07-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.92	A
655	202414615	Trịnh Thị Bích Diệp	CTTT TTS & KT đa phương tiện 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.92	A
656	202414629	Trần Ngọc Huyền	CTTT TTS & KT đa phương tiện 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	90	3.92	A
657	202414297	Nguyễn Hồng Nhung	Điện tử 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	90	3.91	A
658	202414934	Nguyễn Anh Minh	CTTT HT nhúng & IoT 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	3.9	A
659	202414754	Đỗ Quang Minh	CTTT Điện tử 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.9	A
660	202414459	Đặng Hữu Ý	Điện tử 07-K69	69	Trường Điện - Điện tử	97	3.89	A
661	202413933	Nguyễn Công An	CTTN-KT điện tử-VT-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.89	A
662	202414653	Nguyễn Ngọc Ninh	CTTT TTS & KT đa phương tiện 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.89	A
663	202414883	Nguyễn Đức Anh	CTTT HT nhúng & IoT 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.88	A
664	202414292	Tạ Quang Nhật	CTTN-KT điện tử-VT-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	3.87	A
665	202414373	Cao Văn Thắng	Điện tử 05-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.86	A
666	202414456	Trần Hoàng Tuấn Vũ	Điện tử 04-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	3.85	A
667	202413932	Đỗ Vũ An	CTTN-KT điện tử-VT-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	3.84	A
668	202414339	Nguyễn Duy Quyến	Điện tử 07-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.84	A
669	202414425	Nguyễn Ngọc Tú	Điện tử 09-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.84	A
670	202414804	Kim Văn Trường	CTTT Điện tử 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.84	A
671	202414924	Đoàn Trường Kiên	CTTT HT nhúng & IoT 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	91	3.84	A
672	202413971	Vũ Việt Anh	Điện tử 11-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.83	A
673	202414079	Nguyễn Hoàng Dương	Điện tử 11-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.83	A
674	202414423	Nguyễn Văn Trường	Điện tử 07-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.83	A
675	202414368	Lê Minh Thái	Điện tử 12-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.83	A
676	202414430	Lại Văn Tuân	Điện tử 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.83	A
677	202414622	Nguyễn Hương Giang	CTTT TTS & KT đa phương tiện 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.83	A
678	202414021	Võ Tấn Đạt	Điện tử 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	92	3.83	A
679	202414453	Lưu Trần Vinh	Điện tử 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.82	A
680	202414312	Phan Văn Phúc	Điện tử 04-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.82	A
681	202414443	Nguyễn Quang Tùng	Điện tử 03-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.82	A
682	202414795	Nguyễn Công Thành	CTTT Điện tử 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.82	A
683	202400019	Dương Phan Quang Bách	CTTN-KT điện tử-VT-K69	69	Trường Điện - Điện tử	92	3.82	A
684	202414285	Vũ Trần Nghĩa	CTTN-KT điện tử-VT-K69	69	Trường Điện - Điện tử	92	3.82	A
685	202413009	Nguyễn Tăng Hải Linh	CTTT KT Điều khiển-TĐH 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	100	4	A
686	202400013	Hoàng Kiến Minh	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K69	69	Trường Điện - Điện tử	97	4	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
687	202412748	Lê Minh Quý	KT Điều khiển-Tự động hóa 10-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
688	202412769	Lê Minh Tân	KT Điều khiển-Tự động hóa 07-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
689	202412941	Đinh Hải Bách	CTTT KT Điều khiển-TĐH 03-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
690	202400006	Đặng Đức Anh	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
691	202413006	Vũ Tùng Lâm	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K69	69	Trường Điện - Điện tử	94	4	A
692	202412766	Lê Đường Minh Tâm	KT Điều khiển-Tự động hóa 04-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
693	202412538	Vũ Minh Hoàng	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
694	202400015	Phan Lê Hoài Sơn	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
695	202412628	Hà Hùng Mạnh	KT Điều khiển-Tự động hóa 10-K69	69	Trường Điện - Điện tử	92	4	A
696	202412387	Nguyễn Quốc Bảo	KT Điều khiển-Tự động hóa 09-K69	69	Trường Điện - Điện tử	92	4	A
697	202412626	Mai Thế Luyến	KT Điều khiển-Tự động hóa 08-K69	69	Trường Điện - Điện tử	91	4	A
698	202413017	Nguyễn Võ Nguyên Minh	CTTT KT Điều khiển-TĐH 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	97	3.98	A
699	202412989	Trần Duy Hưng	CTTT KT Điều khiển-TĐH 03-K69	69	Trường Điện - Điện tử	97	3.97	A
700	202413001	Trịnh Trung Kiên	CTTT KT Điều khiển-TĐH 03-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	3.97	A
701	202412560	Vũ Nguyễn Quang Huy	KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.95	A
702	202412620	Nguyễn Văn Long	KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	100	3.92	A
703	202412380	Tăng Bách	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K69	69	Trường Điện - Điện tử	97	3.92	A
704	202412839	Phạm Quốc Tùng	KT Điều khiển-Tự động hóa 05-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.92	A
705	202412358	Trần Nguyễn Nhật Anh	KT Điều khiển-Tự động hóa 04-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.92	A
706	202412499	Nguyễn Thanh Hải	KT Điều khiển-Tự động hóa 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	91	3.92	A
707	202412474	Chu Đăng Dương	KT Điều khiển-Tự động hóa 12-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.89	A
708	202412793	Nguyễn Văn Thịnh	KT Điều khiển-Tự động hóa 07-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.88	A
709	202400011	Nguyễn Văn Hiếu	KT Điều khiển-Tự động hóa 06-K69	69	Trường Điện - Điện tử	97	3.86	A
710	202412686	Mai Minh Nguyên	KT Điều khiển-Tự động hóa 08-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.85	A
711	202412999	Nguyễn Trung Kiên	CTTT KT Điều khiển-TĐH 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	3.84	A
712	202413023	Lê Hà My	CTTT KT Điều khiển-TĐH 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	100	3.83	A
713	202412775	Nguyễn Vũ Đức Thắng	KT Điều khiển-Tự động hóa 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	3.83	A
714	202412856	Hoàng Long Vũ	KT Điều khiển-Tự động hóa 10-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.83	A
715	202412381	Thạch Xuân Bách	KT Điều khiển-Tự động hóa 03-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.83	A
716	202412602	Bùi Hải Lâm	KT Điều khiển-Tự động hóa 08-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.83	A
717	202412567	Doãn Đức Khang	KT Điều khiển-Tự động hóa 09-K69	69	Trường Điện - Điện tử	92	3.83	A
718	202400008	Nguyễn Huy Bình	KT Điều khiển-Tự động hóa 03-K69	69	Trường Điện - Điện tử	91	3.83	A
719	202412632	Nguyễn Thế Mạnh	KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	90	3.83	A
720	202421080	Lê Đăng Dương	PFIEV CK hàng không 01-K69	69	Trường Cơ khí	96	4	A
721	202420940	Nguyễn Hữu Kiên	Hàng không 01-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.94	A
722	202420931	Nguyễn Văn Định	Hàng không 02-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.88	A
723	202421103	Nguyễn Đăng Bách	PFIEV CK hàng không 01-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.82	A
724	202420947	Bùi Duy Thiện	Hàng không 02-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.79	A
725	202421089	Trần Hải Nam	PFIEV CK hàng không 01-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.77	A
726	202420442	Phạm Tuệ Nhi	Vật lý Y khoa 01-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	83	3.83	B
727	202420435	Vũ Yến Nhi	Vật lý Y khoa 01-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	94	3.43	B
728	202420388	Phạm Thảo Khuyên	Hạt nhân 01-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	87	3.34	B
729	202420439	Trịnh Minh Phương	Vật lý Y khoa 01-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	92	3.26	B
730	202411861	Nguyễn Đức Minh	CTTT Hóa dược 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.95	A
731	202411821	Nguyễn Duy Đại	CTTT Hóa dược 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	99	3.9	A
732	202411258	Nguyễn Công Phát	Kỹ thuật hóa học 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	92	3.85	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
733	202411829	Quách Nguyễn Thu Hà	CTTT Hóa dược 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	100	3.84	A
734	202410785	Trần Hà Quỳnh Anh	Kỹ thuật hóa học 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.84	A
735	202410930	Hồ Sỹ Anh Dũng	Kỹ thuật hóa học 16-K69	69	Trường Hóa và KHSS	90	3.83	A
736	202411349	Phạm Minh Thành	Kỹ thuật hóa học 11-K69	69	Trường Hóa và KHSS	100	3.82	A
737	202411123	Võ Thị Kiều	Kỹ thuật hóa học 12-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.81	A
738	202411817	Nguyễn Quỳnh Chi	CTTT Hóa dược 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.79	A
739	202411206	Lê Bảo Nam	Kỹ thuật hóa học 15-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.78	A
740	202411816	Nguyễn Thị Minh Châu	CTTT Hóa dược 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	92	3.78	A
741	202410815	Bùi Phương Anh	Kỹ thuật hóa học 16-K69	69	Trường Hóa và KHSS	94	3.76	A
742	202411856	Văn Khánh Linh	CTTT Hóa dược 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	95	3.75	A
743	202411892	Phạm Văn Vũ	CTTT Hóa dược 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.75	A
744	202410877	Cao Quốc Đạt	Kỹ thuật hóa học 13-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.75	A
745	202411875	Tạ Thanh Sơn	CTTT Hóa dược 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	90	3.74	A
746	202411469	Trần Thị Mai Uyên	Kỹ thuật hóa học 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.71	A
747	202411051	Phùng Viết Hưng	Kỹ thuật hóa học 05-K69	69	Trường Hóa và KHSS	94	3.69	A
748	202411233	Đỗ Minh Nguyên	Kỹ thuật hóa học 10-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.61	A
749	202410998	Uông Thúy Hiền	Kỹ thuật hóa học 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.61	A
750	202411315	Hoàng Trọng Sơn	Kỹ thuật hóa học 11-K69	69	Trường Hóa và KHSS	92	3.6	A
751	202410859	Trần Nguyễn Quốc Cường	Kỹ thuật hóa học 12-K69	69	Trường Hóa và KHSS	80	3.83	B
752	202411113	Bùi Đăng Khoa	Kỹ thuật hóa học 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	86	3.81	B
753	202411324	Hoàng Thị Thanh Tâm	Kỹ thuật hóa học 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	85	3.69	B
754	202411197	Phạm Tuấn Minh	Kỹ thuật hóa học 06-K69	69	Trường Hóa và KHSS	86	3.66	B
755	202410790	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Kỹ thuật hóa học 07-K69	69	Trường Hóa và KHSS	81	3.66	B
756	202411132	Nguyễn Thị Mai Lan	Kỹ thuật hóa học 05-K69	69	Trường Hóa và KHSS	89	3.65	B
757	202411465	Ngô Thế Tùng	Kỹ thuật hóa học 14-K69	69	Trường Hóa và KHSS	85	3.61	B
758	202411224	Mai Văn Nghĩa	Kỹ thuật hóa học 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	100	3.59	B
759	202410918	Nguyễn Ngọc Dung	Kỹ thuật hóa học 04-K69	69	Trường Hóa và KHSS	92	3.59	B
760	202411382	Phạm Thị Thanh Thư	Kỹ thuật hóa học 12-K69	69	Trường Hóa và KHSS	81	3.59	B
761	202411422	Nguyễn Thu Trang	Kỹ thuật hóa học 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	84	3.58	B
762	202410988	Đinh Thị Hồng Hạnh	Kỹ thuật hóa học 08-K69	69	Trường Hóa và KHSS	84	3.58	B
763	202411285	Phạm Minh Phương	Kỹ thuật hóa học 13-K69	69	Trường Hóa và KHSS	92	3.56	B
764	202411846	Bùi Gia Khánh	CTTT Hóa dược 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	80	3.55	B
765	202419796	Trần Quế Anh	KT in 01-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.75	A
766	202419788	Đỗ Quang Anh	KT in 02-K69	69	Trường Vật liệu	90	3.65	A
767	202419852	Hoàng Gia Khánh	KT in 03-K69	69	Trường Vật liệu	100	3.61	A
768	202419864	Phạm Đức Mạnh	KT in 03-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.59	B
769	202419820	Phạm Quý Dương	KT in 01-K69	69	Trường Vật liệu	90	3.5	B
770	202419899	Lê Ngọc Trung	KT in 02-K69	69	Trường Vật liệu	88	3.45	B
771	202416641	Hoàng Khánh Tùng	Kỹ thuật máy tính 01-K69	69	Trường CNTT&TT	96	4	A
772	202416637	Phạm Anh Tuấn	Kỹ thuật máy tính 02-K69	69	Trường CNTT&TT	93	4	A
773	202416618	Kim Việt Tiến	Kỹ thuật máy tính 03-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.96	A
774	202416537	Hoàng Trung Kiên	Kỹ thuật máy tính 02-K69	69	Trường CNTT&TT	90	3.95	A
775	202416540	Nguyễn Thành Kiên	Kỹ thuật máy tính 05-K69	69	Trường CNTT&TT	90	3.95	A
776	202416639	Lê Anh Tuấn	Kỹ thuật máy tính 04-K69	69	Trường CNTT&TT	100	3.94	A
777	202416648	Phạm Quang Vinh	Kỹ thuật máy tính 03-K69	69	Trường CNTT&TT	100	3.94	A
778	202416500	Nguyễn Văn Huấn	Kỹ thuật máy tính 05-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.93	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
779	202416497	Vũ Trọng Hoàng	Kỹ thuật máy tính 02-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.92	A
780	202416485	Tạ Đức Hiển	Kỹ thuật máy tính 05-K69	69	Trường CNTT&TT	96	3.91	A
781	202416447	Nguyễn Hữu Đạt	Kỹ thuật máy tính 02-K69	69	Trường CNTT&TT	93	3.9	A
782	202415163	Vũ Thị Linh Hương	Môi trường 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	90	3.73	A
783	202415223	Vũ Nhật Quyên	Môi trường 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.63	A
784	202415253	Nguyễn Thị Xuân Thương	Môi trường 04-K69	69	Trường Hóa và KHSS	83	3.63	B
785	202415257	Trần Hoàng Trung	Môi trường 04-K69	69	Trường Hóa và KHSS	91	3.58	B
786	202415092	Vương Gia Bảo	Môi trường 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	87	3.36	B
787	202415145	Nguyễn Minh Hiệp	Môi trường 04-K69	69	Trường Hóa và KHSS	90	3.32	B
788	202415112	Phạm Tiến Đông	Môi trường 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	87	3.25	B
789	202415141	Nguyễn Thị Hiền	Môi trường 04-K69	69	Trường Hóa và KHSS	75	3.29	C
790	202416000	Chu Đình Khiển	Nhiệt 04-K69	69	Trường Cơ khí	93	4	A
791	202416100	Lê Hữu Việt	Nhiệt 04-K69	69	Trường Cơ khí	89	3.79	B
792	202416090	Nguyễn Đức Tuấn	Nhiệt 04-K69	69	Trường Cơ khí	89	3.61	B
793	202416026	Phạm Hùng Minh	Nhiệt 05-K69	69	Trường Cơ khí	81	3.61	B
794	202416020	Nguyễn Đức Mạnh	Nhiệt 04-K69	69	Trường Cơ khí	85	3.58	B
795	202415900	Trần Nhật Anh	Nhiệt 04-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.47	B
796	202416035	Nguyễn Trung Nghĩa	Nhiệt 04-K69	69	Trường Cơ khí	88	3.47	B
797	202415966	Đỗ Danh Việt Hoàng	Nhiệt 05-K69	69	Trường Cơ khí	86	3.47	B
798	202415978	Nguyễn Đức Hùng	Nhiệt 02-K69	69	Trường Cơ khí	86	3.38	B
799	202415906	Vũ Xuân Bách	Nhiệt 05-K69	69	Trường Cơ khí	86	3.33	B
800	202416104	Trần Trung Vũ	Nhiệt 03-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.31	B
801	202416036	Vương Quốc Nghĩa	Nhiệt 05-K69	69	Trường Cơ khí	96	3.28	B
802	202421051	Võ Thị Thương	CTTT ô tô 01-K69	69	Trường Cơ khí	94	4	A
803	202420588	Nguyễn Hoàng Dương	KT ô tô 04-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.94	A
804	202420469	Đoàn Quang Anh	KT ô tô 05-K69	69	Trường Cơ khí	92	3.82	A
805	202420660	Nguyễn Văn Trường	KT ô tô 04-K69	69	Trường Cơ khí	100	3.74	A
806	202420699	Hoàng Hữu Nhật	KT ô tô 01-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.73	A
807	202420616	Lê Quang Tùng	KT ô tô 02-K69	69	Trường Cơ khí	90	3.71	A
808	202420688	Nguyễn Vũ Anh Minh	KT ô tô 02-K69	69	Trường Cơ khí	93	3.67	A
809	202421009	Lê Trọng Hiếu	CTTT ô tô 01-K69	69	Trường Cơ khí	96	3.63	A
810	202421048	Phạm Thành Nam	CTTT ô tô 02-K69	69	Trường Cơ khí	87	3.76	B
811	202420506	Đào Đăng Dương	KT ô tô 06-K69	69	Trường Cơ khí	86	3.73	B
812	202420631	Hoàng Thúc Lê Duy	KT ô tô 05-K69	69	Trường Cơ khí	83	3.65	B
813	202421061	Lê Văn Nam	CTTT ô tô 01-K69	69	Trường Cơ khí	86	3.61	B
814	202420730	Trương Hoàng Nguyên Vũ	KT ô tô 02-K69	69	Trường Cơ khí	95	3.59	B
815	202420536	Nguyễn Thế Kiên	KT ô tô 06-K69	69	Trường Cơ khí	90	3.56	B
816	202420562	Nguyễn Tiến Dũng	KT ô tô 02-K69	69	Trường Cơ khí	84	3.56	B
817	202420678	Lưu Đức Nhật	KT ô tô 04-K69	69	Trường Cơ khí	90	3.55	B
818	202420656	Nguyễn Anh Tài	KT ô tô 06-K69	69	Trường Cơ khí	91	3.53	B
819	202420714	Đoàn Hải Sơn	KT ô tô 04-K69	69	Trường Cơ khí	88	3.53	B
820	202410077	Nguyễn Thúy Hạnh	Kỹ thuật sinh học 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	4	A
821	202410731	Đàm Xuân Thảo Nguyên	CTTT KT sinh học 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.94	A
822	202410110	Nguyễn Thị Khánh Linh	Kỹ thuật sinh học 04-K69	69	Trường Hóa và KHSS	94	3.89	A
823	202410695	Nguyễn Quốc Anh	CTTT KT sinh học 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.88	A
824	202410105	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Kỹ thuật sinh học 05-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.88	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
825	202410047	Vũ Thị Thúy Diệu	Kỹ thuật sinh học 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.83	A
826	202410190	Đặng Tường Vi	Kỹ thuật sinh học 05-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.79	A
827	202410008	Ngô Việt Anh	Kỹ thuật sinh học 04-K69	69	Trường Hóa và KHSS	92	3.69	A
828	202410013	Nguyễn Thị Hồng Anh	Kỹ thuật sinh học 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.65	A
829	202410196	Chu Thị Hà Vy	Kỹ thuật sinh học 05-K69	69	Trường Hóa và KHSS	92	3.62	A
830	202410144	Nguyễn Duy Phúc	Kỹ thuật sinh học 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	90	3.6	A
831	202410104	Đào Thị Khánh Linh	Kỹ thuật sinh học 04-K69	69	Trường Hóa và KHSS	86	3.77	B
832	202410889	Lê Thúy Diệp	Kỹ thuật sinh học 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	89	3.67	B
833	202410411	Trần Thị Ngọc Linh	Thực phẩm 08-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	4	A
834	202410645	Phạm Hiền Đức	CTTT Thực phẩm 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.89	A
835	202410273	Đinh Khánh Đạt	Thực phẩm 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.88	A
836	202410639	Triệu Nhã Chi	CTTT Thực phẩm 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	95	3.85	A
837	202410405	Phan Trần Khánh Linh	Thực phẩm 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	92	3.84	A
838	202410253	Lê Thị Ngọc Châu	Thực phẩm 09-K69	69	Trường Hóa và KHSS	91	3.8	A
839	202410414	Lê Văn Lộc	Thực phẩm 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.79	A
840	202410426	Nguyễn Phương Mai	Thực phẩm 05-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.75	A
841	202410492	Nguyễn Hoàng Phúc	Thực phẩm 06-K69	69	Trường Hóa và KHSS	100	3.74	A
842	202410442	Trương Hải Minh	Thực phẩm 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	96	3.74	A
843	202410462	Hoàng Thị Hồng Ngọc	Thực phẩm 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	95	3.74	A
844	202410537	Nguyễn Thị Thanh	Thực phẩm 06-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.72	A
845	202410371	Hoàng Thị Ngọc Huyền	Thực phẩm 05-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.66	A
846	202410549	Phạm Thu Thảo	Thực phẩm 09-K69	69	Trường Hóa và KHSS	100	3.62	A
847	202410386	Nguyễn Văn Trung Kiên	Thực phẩm 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	92	3.6	A
848	202410227	Trần Thị Ngọc Anh	Thực phẩm 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	86	3.87	B
849	202410683	Nguyễn Lê Hạnh Trang	CTTT Thực phẩm 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	87	3.78	B
850	202410673	Nguyễn Vũ Phương Ngân	CTTT Thực phẩm 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	81	3.75	B
851	202410402	Nguyễn Tuấn Linh	Thực phẩm 08-K69	69	Trường Hóa và KHSS	89	3.74	B
852	202410215	Đỗ Hoàng Anh	Thực phẩm 07-K69	69	Trường Hóa và KHSS	86	3.63	B
853	202410234	Lê Thị Minh Ánh	Thực phẩm 08-K69	69	Trường Hóa và KHSS	85	3.63	B
854	202410358	Đinh Thị Hương	Thực phẩm 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	83	3.6	B
855	202419251	Ninh Minh Hiếu	Vật liệu 01-K69	69	Trường Vật liệu	96	4	A
856	202419294	Nguyễn Đình Kiên	Vật liệu 02-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.92	A
857	202419956	Trần Anh Thư	CTTT Vật liệu 01-K69	69	Trường Vật liệu	95	3.85	A
858	202419206	Nguyễn Văn Dũng	Vật liệu 05-K69	69	Trường Vật liệu	90	3.83	A
859	202419150	Đỗ Ngọc Đức Anh	Vật liệu 05-K69	69	Trường Vật liệu	96	3.81	A
860	202419390	Đoàn Thái Sơn	Vật liệu 07-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.79	A
861	202419258	Thái Khắc Hoàng	Vật liệu 01-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.72	A
862	202419428	Lê Đức Tuấn Tú	Vật liệu 03-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.71	A
863	202419410	Ngô Việt Tiến	Vật liệu 06-K69	69	Trường Vật liệu	92	3.69	A
864	202419448	Bùi Quốc Tùng	Vật liệu 02-K69	69	Trường Vật liệu	97	3.67	A
865	202419275	Trần Trọng Huy	Vật liệu 04-K69	69	Trường Vật liệu	91	3.67	A
866	202419965	Tạ Thị Thu Yến	CTTT Vật liệu 01-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.66	A
867	202419404	Vũ Xuân Thành	Vật liệu 07-K69	69	Trường Vật liệu	94	3.65	A
868	202419156	Trần Xuân Bắc	Vật liệu 04-K69	69	Trường Vật liệu	93	3.62	A
869	202419238	Nguyễn Thị Minh Hằng	Vật liệu 02-K69	69	Trường Vật liệu	88	3.91	B
870	202419337	Nguyễn Thị Ánh Ngân	Vật liệu 03-K69	69	Trường Vật liệu	89	3.82	B

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
871	202419203	Nguyễn Tiến Dũng	Vật liệu 02-K69	69	Trường Vật liệu	86	3.79	B
872	202419368	Vũ Minh Quân	Vật liệu 06-K69	69	Trường Vật liệu	89	3.76	B
873	202414583	Nguyễn Huyền Trang	KT Y sinh 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	100	4	A
874	202420143	Nguyễn Thuận Phúc Hưng	KT Y sinh 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	94	4	A
875	202414538	Phạm Đại Lợi	KT Y sinh 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
876	202414580	Đỗ Thị Thùy	KT Y sinh 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.92	A
877	202414518	Đặng Hữu Huy	KT Y sinh 03-K69	69	Trường Điện - Điện tử	100	3.9	A
878	202414582	Trần Hữu Tiến	KT Y sinh 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.9	A
879	202414597	Nguyễn Hoàng Việt	KT Y sinh 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	96	3.89	A
880	202414571	Nguyễn Hoàng Thái Sơn	KT Y sinh 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.82	A
881	202414478	Nguyễn Đình Đạo	KT Y sinh 02-K69	69	Trường Điện - Điện tử	100	3.79	A
882	202414600	Lê Thị Yến Vy	KT Y sinh 01-K69	69	Trường Điện - Điện tử	93	3.76	A
883	202413844	Nguyễn Hải Hậu	CTTT Logistics 03-K69	69	Trường Kinh tế	93	4	A
884	202413888	Đỗ Văn Phúc	CTTT Logistics 02-K69	69	Trường Kinh tế	93	4	A
885	202413899	Hoàng Đức Tài	CTTT Logistics 01-K69	69	Trường Kinh tế	96	3.87	A
886	202413830	Đặng Phạm Thái Đông	CTTT Logistics 01-K69	69	Trường Kinh tế	93	3.79	A
887	202413845	Lương Minh Hiển	CTTT Logistics 01-K69	69	Trường Kinh tế	96	3.76	A
888	202415594	Nguyễn Hữu Ngọc Hương	Tiếng Anh KHKT 09-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	96	4	A
889	202415555	Vũ Ngọc Gia Hân	Tiếng Anh KHKT 03-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	96	4	A
890	202415712	Nguyễn Trần Thùy Phương	Tiếng Anh KHKT 06-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	100	3.82	A
891	202415772	Quách Thủy Tiên	Tiếng Anh KHKT 11-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	93	3.79	A
892	202415613	Nguyễn Tùng Lâm	Tiếng Anh KHKT 06-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	96	3.76	A
893	202415657	Hoàng Thanh Mai	Tiếng Anh KHKT 06-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	96	3.76	A
894	202415615	Nguyễn Thị Mai Lan	Tiếng Anh KHKT 08-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	93	3.76	A
895	202415459	Phạm Quỳnh Anh	Tiếng Anh KHKT 06-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	93	3.76	A
896	202415698	Hứa Minh Nguyệt	Tiếng Anh KHKT 03-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	90	3.76	A
897	202415617	Dương Thu Linh	Tiếng Anh KHKT 10-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	96	3.71	A
898	202415777	Nguyễn Dương Minh Trân	Tiếng Anh KHKT 05-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	97	3.67	A
899	202415807	Trần Thị Mai Uyên	Tiếng Anh KHKT 02-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	96	3.65	A
900	202415573	Vũ Minh Hiếu	Tiếng Anh KHKT 10-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	93	3.65	A
901	202415805	Phùng Thị Tuyến	Tiếng Anh KHKT 11-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	93	3.65	A
902	202415628	Nguyễn Thị Khánh Linh	Tiếng Anh KHKT 10-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	90	3.64	A
903	202415575	Vũ Minh Hiếu	Tiếng Anh KHKT 01-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	90	3.63	A
904	202415515	Vũ Tiến Đạt	Tiếng Anh KHKT 07-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	100	3.61	A
905	202415779	Nguyễn Thị Trang	Tiếng Anh KHKT 07-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	96	3.6	A
906	202415592	Trần Thành Hưng	Tiếng Anh KHKT 07-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	89	3.93	B
907	202415836	Nguyễn Đình Bình	Tiếng Anh IPE 01-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	86	3.83	B
908	202415589	Nguyễn Viết Hưng	Tiếng Anh KHKT 04-K69	69	Khoa Ngoại ngữ	85	3.82	B
909	202413249	Lê Hương Ly	Quản lý công nghiệp 01-K69	69	Trường Kinh tế	97	4	A
910	202413179	Đỗ Ngọc Lan Anh	Quản lý công nghiệp 03-K69	69	Trường Kinh tế	100	3.94	A
911	202413198	Nguyễn Mạnh Dũng	Quản lý công nghiệp 01-K69	69	Trường Kinh tế	96	3.94	A
912	202413217	Dư Thị Khánh Hòa	Quản lý công nghiệp 02-K69	69	Trường Kinh tế	100	3.83	A
913	202413289	Vũ Văn Thái	Quản lý công nghiệp 02-K69	69	Trường Kinh tế	93	3.68	A
914	202413227	Nguyễn Thị Thu Huyền	Quản lý công nghiệp 03-K69	69	Trường Kinh tế	92	3.67	A
915	202412050	Nguyễn Thanh Huyền	Quản lý giáo dục 01-K69	69	Khoa KH&CN Giáo dục	90	3.85	A
916	202412075	Nguyễn Thị Oanh	Quản lý giáo dục 01-K69	69	Khoa KH&CN Giáo dục	97	3.63	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
917	202412029	Đỗ Thị Hoài Anh	Quản lý giáo dục 01-K69	69	Khoa KH&CN Giáo dục	93	3.61	A
918	202415346	Vũ Minh Huyền	Quản lý Tài nguyên & MT 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	100	3.27	B
919	202415323	Nguyễn Thu Hiền	Quản lý Tài nguyên & MT 01-K69	69	Trường Hóa và KHSS	86	3.22	B
920	202415417	Hồ Minh Thư	Quản lý Tài nguyên & MT 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	74	3.26	C
921	202415276	Thái Thị Ngọc Anh	Quản lý Tài nguyên & MT 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	84	3.19	C
922	202415381	Nguyễn Thị Hiếu Ngân	Quản lý Tài nguyên & MT 02-K69	69	Trường Hóa và KHSS	68	3.14	C
923	202415292	Đỗ Mạnh Cường	Quản lý Tài nguyên & MT 03-K69	69	Trường Hóa và KHSS	93	3.11	C
924	202413721	Hoàng Thảo Linh	CTTT Phân tích KD 01-K69	69	Trường Kinh tế	95	4	A
925	202413341	Phạm Thị Chiều	Quản trị kinh doanh 01-K69	69	Trường Kinh tế	93	4	A
926	202413659	Phan Phương Anh	CTTT Phân tích KD 03-K69	69	Trường Kinh tế	96	3.92	A
927	202413380	Trần Ngọc Huyền	Quản trị kinh doanh 01-K69	69	Trường Kinh tế	100	3.84	A
928	202413754	Phạm Nguyễn Hà My	CTTT Phân tích KD 02-K69	69	Trường Kinh tế	91	3.79	A
929	202413400	Đặng Tiến Mạnh	Quản trị kinh doanh 03-K69	69	Trường Kinh tế	92	3.76	A
930	202413431	Trần Thị Ngọc Tân	Quản trị kinh doanh 01-K69	69	Trường Kinh tế	99	3.75	A
931	202413681	Phạm Thái Dương	CTTT Phân tích KD 01-K69	69	Trường Kinh tế	93	3.74	A
932	202413456	Phạm Hữu Tuấn	Quản trị kinh doanh 02-K69	69	Trường Kinh tế	90	3.72	A
933	202413353	Lê Văn Dương	Quản trị kinh doanh 01-K69	69	Trường Kinh tế	100	3.71	A
934	202413669	Nguyễn Văn Bình	CTTT Phân tích KD 01-K69	69	Trường Kinh tế	93	3.69	A
935	202413433	Phạm Thị Thu Thảo	Quản trị kinh doanh 03-K69	69	Trường Kinh tế	100	3.63	A
936	202413600	Lê Thị Xuân Hương	Tài chính ngân hàng 02-K69	69	Trường Kinh tế	93	3.94	A
937	202413603	Trương Khánh Huyền	Tài chính ngân hàng 01-K69	69	Trường Kinh tế	93	3.91	A
938	202413592	Đào Sĩ Hiệp	Tài chính ngân hàng 02-K69	69	Trường Kinh tế	93	3.86	A
939	202413637	Lê Diệu Thùy	Tài chính ngân hàng 01-K69	69	Trường Kinh tế	93	3.81	A
940	202418868	Lâm Quý Đô	Toán-Tin 01-K69	69	Khoa Toán - Tin	93	3.95	A
941	202418992	Phạm Thị Minh Thúy	Toán-Tin 01-K69	69	Khoa Toán - Tin	96	3.94	A
942	202418893	Trần Quang Hiển	Toán-Tin 02-K69	69	Khoa Toán - Tin	97	3.9	A
943	202418932	Trần Hoàng Đức Linh	Toán-Tin 01-K69	69	Khoa Toán - Tin	91	3.86	A
944	202418853	Nguyễn Quang Chiến	Toán-Tin 02-K69	69	Khoa Toán - Tin	100	3.85	A
945	202419012	Hoàng Vũ Tùng	Toán-Tin 01-K69	69	Khoa Toán - Tin	93	3.83	A
946	202419007	Phạm Anh Tú	Toán-Tin 04-K69	69	Khoa Toán - Tin	96	3.82	A
947	202418988	Nguyễn Văn Thế	Toán-Tin 01-K69	69	Khoa Toán - Tin	96	3.8	A
948	202418849	Đồng Ngọc Bảo	Toán-Tin 02-K69	69	Khoa Toán - Tin	96	3.8	A
949	202420047	Mai Thành Đoàn	Vật lý 02-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	100	4	A
950	202420360	Nguyễn Đình Vĩnh	Vật lý 03-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	98	4	A
951	202420073	Trần Anh Dũng	Vật lý 04-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	94	4	A
952	202420342	Nguyễn Đình Tuấn	Vật lý 01-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	4	A
953	202420232	Nguyễn Trọng Nghĩa	Vật lý 03-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	4	A
954	202420034	Hoa Minh Đạt	Vật lý 05-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.94	A
955	202420097	Nguyễn Quốc Duy	Vật lý 04-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	92	3.91	A
956	202420225	Nguyễn Phương Nam	Vật lý 04-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	97	3.85	A
957	202419987	Đoàn Duy Anh	Vật lý 06-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	92	3.85	A
958	202420209	Lê Nhật Minh	Vật lý 04-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	96	3.84	A
959	202420204	Nguyễn Bá Dũng	Vật lý 07-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	91	3.84	A
960	202419984	Vũ Tuấn Anh	Vật lý 03-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.81	A
961	202420258	Phạm Minh Phương	Vật lý 05-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.79	A
962	202420351	Nguyễn Thanh Tùng	Vật lý 02-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.78	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
963	202420186	Đinh Thị Ngọc Lan	Vật lý 05-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	90	3.78	A
964	202420289	Vũ Việt Thành	Vật lý 04-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	95	3.76	A
965	202420327	Phạm Anh Tú	Vật lý 02-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	91	3.76	A
966	202420080	Hoàng Văn Dương	Vật lý 03-K69	69	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.75	A
967	202516647	Nguyễn Phú Cường	CTTT An toàn không gian số 01-K70	70	Trường CNTT&TT	93	3.84	A
968	202516655	Nguyễn Danh Hiếu	CTTT An toàn không gian số 01-K70	70	Trường CNTT&TT	93	3.81	A
969	202516661	Đặng Huy Khánh	CTTT An toàn không gian số 01-K70	70	Trường CNTT&TT	93	3.81	A
970	202520806	Bùi Thị Loan	Dệt May 01-K70	70	Trường Vật liệu	95	4	A
971	202520702	Vũ Ngọc Ánh	Dệt May 02-K70	70	Trường Vật liệu	93	3.84	A
972	202520746	Phạm Ngân Hà	Dệt May 01-K70	70	Trường Vật liệu	96	3.72	A
973	202520764	Vũ Thị Thanh Hoa	Dệt May 04-K70	70	Trường Vật liệu	90	3.59	B
974	202520801	Phạm Thị Ngọc Linh	Dệt May 01-K70	70	Trường Vật liệu	80	3.59	B
975	202520908	Phùng Thị Thùy Trang	Dệt May 03-K70	70	Trường Vật liệu	93	3.53	B
976	202520784	Dương Ngọc Khánh	Dệt May 04-K70	70	Trường Vật liệu	92	3.5	B
977	202520886	Dương Thị Thúy	Dệt May 01-K70	70	Trường Vật liệu	89	3.5	B
978	202520866	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Dệt May 01-K70	70	Trường Vật liệu	84	3.5	B
979	202520858	Trần Mai Phương	Dệt May 03-K70	70	Trường Vật liệu	93	3.44	B
980	202520766	Đỗ Huy Hoàng	Dệt May 01-K70	70	Trường Vật liệu	89	3.44	B
981	202520831	Văn Tiến Nam	Dệt May 01-K70	70	Trường Vật liệu	86	3.41	B
982	202520802	Phạm Thị Thùy Linh	Dệt May 02-K70	70	Trường Vật liệu	86	3.38	B
983	202511830	Nguyễn Hữu Tuấn Linh	Công nghệ giáo dục 01-K70	70	Khoa KH&CN Giáo dục	93	3.89	A
984	202511797	Trần Thùy Dương	Công nghệ giáo dục 02-K70	70	Khoa KH&CN Giáo dục	93	3.75	A
985	202511781	Trần Thị Anh Đào	Công nghệ giáo dục 02-K70	70	Khoa KH&CN Giáo dục	96	3.61	A
986	202511847	Nguyễn Thanh Ngân	Công nghệ giáo dục 02-K70	70	Khoa KH&CN Giáo dục	93	3.54	B
987	202511876	Lã Thị Thu Uyên	Công nghệ giáo dục 01-K70	70	Khoa KH&CN Giáo dục	93	3.39	B
988	202511777	Đào Minh Châu	Công nghệ giáo dục 02-K70	70	Khoa KH&CN Giáo dục	91	3.36	B
989	202517058	Nguyễn Thành Thái	ICT 02-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
990	202517017	Đỗ Duy Khoa	ICT 01-K70	70	Trường CNTT&TT	93	4	A
991	202517021	Vũ Trung Kiên	ICT 01-K70	70	Trường CNTT&TT	93	4	A
992	202517000	Lê Tiến Hưng	ICT 02-K70	70	Trường CNTT&TT	93	4	A
993	202516715	Trần Quang Anh	Việt Nhật 02-K70	70	Trường CNTT&TT	93	4	A
994	202516733	Nguyễn Xuân Cường	Kỹ thuật máy tính 05-K70	70	Trường CNTT&TT	93	4	A
995	202516843	Lê Văn Mạnh	Việt Nhật 02-K70	70	Trường CNTT&TT	92	4	A
996	202517060	Nguyễn Mạnh Thắng	ICT 02-K70	70	Trường CNTT&TT	90	4	A
997	202517062	Nguyễn Việt Thành	ICT 02-K70	70	Trường CNTT&TT	90	4	A
998	202516987	Bùi Thu Hiền	ICT 01-K70	70	Trường CNTT&TT	96	3.93	A
999	202516960	Nguyễn Hưng Việt Bách	ICT 02-K70	70	Trường CNTT&TT	90	3.93	A
1000	202516872	Nguyễn Trần Minh Nhật	Việt Nhật 03-K70	70	Trường CNTT&TT	96	3.92	A
1001	202517008	Nguyễn Tuấn Khải	ICT 02-K70	70	Trường CNTT&TT	96	3.9	A
1002	202516915	Nguyễn Việt Tiến	Việt Nhật 02-K70	70	Trường CNTT&TT	96	3.86	A
1003	202516918	Nguyễn Khánh Toàn	Việt Nhật 01-K70	70	Trường CNTT&TT	97	3.83	A
1004	202516698	Lê Việt Anh	Việt Nhật 01-K70	70	Trường CNTT&TT	96	3.83	A
1005	202516687	Đặng Bình An	Việt Nhật 02-K70	70	Trường CNTT&TT	93	3.83	A
1006	202516842	Chu Đức Mạnh	Việt Nhật 01-K70	70	Trường CNTT&TT	90	3.83	A
1007	202516758	Nguyễn Đức Dương	CNTT Việt Pháp 01-K70	70	Trường CNTT&TT	90	3.83	A
1008	202517047	Cao Nguyễn Anh Phương	ICT 01-K70	70	Trường CNTT&TT	100	3.82	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1009	202517110	Nguyễn Thùy Trang	CNTT Việt Pháp 01-K70	70	Trường CNTT&TT	96	3.82	A
1010	202519430	Đào Ngọc Nam	Vật liệu Polyme & Compozit 01-K70	70	Trường Vật liệu	93	3.58	B
1011	202519374	Nguyễn Hải Anh	Vật liệu Polyme & Compozit 01-K70	70	Trường Vật liệu	89	3.35	B
1012	202519384	Nguyễn Đức Cảnh	Vật liệu Polyme & Compozit 01-K70	70	Trường Vật liệu	97	3.27	B
1013	202519406	Đỗ Quang Hoàn	Vật liệu Polyme & Compozit 01-K70	70	Trường Vật liệu	93	3.23	B
1014	202519408	Đinh Việt Hùng	Vật liệu Polyme & Compozit 01-K70	70	Trường Vật liệu	88	3.19	C
1015	202518793	Nguyễn Văn Tân	HT thông tin quản lý 01-K70	70	Khoa Toán - Tin	93	3.93	A
1016	202518734	Lương Gia Bách	HT thông tin quản lý 02-K70	70	Khoa Toán - Tin	96	3.9	A
1017	202518792	Nguyễn Đức Tài	HT thông tin quản lý 02-K70	70	Khoa Toán - Tin	96	3.87	A
1018	202518783	Nguyễn Nhất Phong	HT thông tin quản lý 01-K70	70	Khoa Toán - Tin	96	3.8	A
1019	202511558	Đỗ Hương Ly	Hóa học 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	92	3.77	A
1020	202511541	Trương Vĩnh Lân	Hóa học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.65	A
1021	202511649	Lê Thị Yến	Hóa học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	89	3.77	B
1022	202511480	Vũ Đình Như Cương	Hóa học 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.46	B
1023	202511597	Nguyễn Thị Út Quyên	Hóa học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.42	B
1024	202511584	Phạm Thị Nguyệt	Hóa học 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	88	3.4	B
1025	202511644	Nguyễn Thị Việt	Hóa học 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	88	3.35	B
1026	202511497	Trần Thị Thuỳ Dương	Hóa học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	87	3.32	B
1027	202511563	Nguyễn Hải Minh	Hóa học 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.31	B
1028	202511487	Nguyễn Anh Đức	Hóa học 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	86	3.31	B
1029	202513442	Đỗ Thị Ngọc Hoa	Kế toán 02-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.94	A
1030	202513417	Nguyễn Lương Phương Anh	Kế toán 01-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.88	A
1031	202513445	Nguyễn Thị Thu Hoài	Kế toán 01-K70	70	Trường Kinh tế	90	3.82	A
1032	202513474	Đỗ Nguyễn Xuân Phương	Kế toán 02-K70	70	Trường Kinh tế	96	3.76	A
1033	202516538	Hoàng Minh Đức	CTTT Data Science & AI 03-K70	70	Trường CNTT&TT	97	4	A
1034	202516565	Bùi Việt Hưng	CTTT Data Science & AI 03-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1035	202516554	Phạm Minh Hằng	CTTT Data Science & AI 01-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1036	202516605	Nguyễn Thu Ngân	CTTT Data Science & AI 01-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1037	202516183	Nguyễn Quang Minh	Khoa học máy tính 01-K70	70	Trường CNTT&TT	100	4	A
1038	202516230	Vũ Hồng Quân	Khoa học máy tính 06-K70	70	Trường CNTT&TT	97	4	A
1039	202516008	Hoàng Gia Bách	Khoa học máy tính 01-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1040	202516203	Nguyễn Linh Nga	Khoa học máy tính 07-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1041	202516231	Bùi Nhật Quang	Khoa học máy tính 07-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1042	202516106	Hà Thọ Hưng	Khoa học máy tính 01-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1043	202516169	Đinh Xuân Minh	Khoa học máy tính 01-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1044	202516286	Nguyễn Quang Việt	Khoa học máy tính 06-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1045	202516187	Phan Tuệ Minh	Khoa học máy tính 05-K70	70	Trường CNTT&TT	93	4	A
1046	202516259	Nguyễn Huy Thành	Khoa học máy tính 07-K70	70	Trường CNTT&TT	100	3.94	A
1047	202516027	Bùi Trọng Đan	Khoa học máy tính 06-K70	70	Trường CNTT&TT	93	3.94	A
1048	202516161	Nguyễn Đức Lương	Khoa học máy tính 07-K70	70	Trường CNTT&TT	93	3.94	A
1049	202516219	Vũ Thanh Phong	Khoa học máy tính 02-K70	70	Trường CNTT&TT	93	3.92	A
1050	202516290	Trương Ngọc Vinh	Khoa học máy tính 03-K70	70	Trường CNTT&TT	97	3.91	A
1051	202516223	Vũ Tài Phúc	Khoa học máy tính 06-K70	70	Trường CNTT&TT	96	3.91	A
1052	202519226	Lê Việt Hoàng	Vi điện tử & CN nano 03-K70	70	Trường Vật liệu	96	4	A
1053	202519144	Trịnh Đức Anh	Vi điện tử & CN nano 04-K70	70	Trường Vật liệu	96	4	A
1054	202519257	Phạm Thị Mỹ Kim	Vi điện tử & CN nano 04-K70	70	Trường Vật liệu	96	4	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1055	202519366	Huỳnh Quang Việt	Vi điện tử & CN nano 03-K70	70	Trường Vật liệu	95	4	A
1056	202519335	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Vi điện tử & CN nano 02-K70	70	Trường Vật liệu	93	4	A
1057	202519237	Nguyễn Văn Hưng	Vi điện tử & CN nano 04-K70	70	Trường Vật liệu	96	3.94	A
1058	202519314	Trần Đình Quân	Vi điện tử & CN nano 01-K70	70	Trường Vật liệu	95	3.94	A
1059	202519316	Vũ Hồng Quân	Vi điện tử & CN nano 03-K70	70	Trường Vật liệu	93	3.94	A
1060	202519228	Nguyễn Văn Hoàng	Vi điện tử & CN nano 05-K70	70	Trường Vật liệu	92	3.93	A
1061	202519199	Nguyễn Tùng Dương	Vi điện tử & CN nano 01-K70	70	Trường Vật liệu	96	3.88	A
1062	202519270	Nguyễn Hữu Mạnh	Vi điện tử & CN nano 02-K70	70	Trường Vật liệu	96	3.87	A
1063	202519163	Nguyễn Hùng Cường	Vi điện tử & CN nano 03-K70	70	Trường Vật liệu	95	3.87	A
1064	202513161	Nguyễn Phương Thảo	Quản lý năng lượng 01-K70	70	Trường Kinh tế	100	3.81	A
1065	202513094	Trần Ngọc Bảo	Quản lý năng lượng 02-K70	70	Trường Kinh tế	97	3.81	A
1066	202513175	Đinh Thị Hà Vy	Quản lý năng lượng 01-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.81	A
1067	202513160	Nguyễn Thị Kim Thanh	Quản lý năng lượng 02-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.72	A
1068	202517436	Đặng Ngọc Tiến	Cơ điện tử 04-K70	70	Trường Cơ khí	96	4	A
1069	202517299	Nguyễn Ngọc Khánh	Cơ điện tử 07-K70	70	Trường Cơ khí	93	4	A
1070	202517384	Phạm Thiết Nhật	Cơ điện tử 01-K70	70	Trường Cơ khí	93	4	A
1071	202517362	Vũ Kế Minh	Cơ điện tử 07-K70	70	Trường Cơ khí	90	4	A
1072	202517265	Giáp Tuấn Hưng	CTTN-Cơ điện tử-K70	70	Trường Cơ khí	100	3.91	A
1073	202517242	Lê Trọng Hiếu	CTTN-Cơ điện tử-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.91	A
1074	202517272	Phạm Quang Hưng	Cơ điện tử 01-K70	70	Trường Cơ khí	92	3.91	A
1075	202517456	Trần Thanh Tùng	Cơ điện tử 03-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.89	A
1076	202517132	Nguyễn Phồn Vinh Anh	Cơ điện tử 01-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.89	A
1077	202517161	Trần Minh Chiến	Cơ điện tử 02-K70	70	Trường Cơ khí	92	3.88	A
1078	202517329	Lê Duy Lợi	Cơ điện tử 02-K70	70	Trường Cơ khí	91	3.88	A
1079	202517165	Bùi Hoàng Công	Cơ điện tử 06-K70	70	Trường Cơ khí	90	3.88	A
1080	202517197	Đào Đức Dũng	Cơ điện tử 03-K70	70	Trường Cơ khí	100	3.86	A
1081	202517333	Trần Tiến Lương	Cơ điện tử 06-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.86	A
1082	202517463	Lê Hoàng Vinh	Cơ điện tử 03-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.86	A
1083	202517393	Nguyễn Văn Phong	Cơ điện tử 03-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.86	A
1084	202518424	Nguyễn Trường Minh	ME-LUH 01-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.86	A
1085	202517318	Nguyễn Tuấn Kiệt	Cơ điện tử 05-K70	70	Trường Cơ khí	91	3.86	A
1086	202517249	Nguyễn Trọng Hòa	Cơ điện tử 06-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.81	A
1087	202518118	Lê Quang Bình	CTTT Cơ điện tử 03-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.81	A
1088	202517239	Phạm Tuấn Hiệp	Cơ điện tử 03-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.79	A
1089	202517332	Nguyễn Trác Lực	Cơ điện tử 05-K70	70	Trường Cơ khí	91	3.79	A
1090	202517179	Nguyễn Duy Đạt	Cơ điện tử 06-K70	70	Trường Cơ khí	92	3.75	A
1091	202518434	Lê Quang Sang	CTTN-Cơ điện tử-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.72	A
1092	202517210	Trần Tiến Dũng	Cơ điện tử 02-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.71	A
1093	202517227	Nguyễn Đức Hải	Cơ điện tử 05-K70	70	Trường Cơ khí	90	3.71	A
1094	202518108	Nguyễn Thế Anh	CTTT Cơ điện tử 03-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.69	A
1095	202517302	Nguyễn Đăng Khiêu	Cơ điện tử 03-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.68	A
1096	202517390	Đặng Thế Phong	Cơ điện tử 07-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.66	A
1097	202518171	Bùi Văn Hùng	CTTT Cơ điện tử 01-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.66	A
1098	202518238	Vũ Đạo Minh	CTTT Cơ điện tử 03-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.66	A
1099	202517335	Đinh Thế Mạnh	Cơ điện tử 01-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.64	A
1100	202518100	Bùi Dương Anh	CTTT Cơ điện tử 05-K70	70	Trường Cơ khí	100	3.63	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1101	202517331	Lê Đình Luân	Cơ điện tử 04-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.61	A
1102	202517206	Nguyễn Tấn Dũng	Cơ điện tử 05-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.61	A
1103	202517449	Nguyễn Thăng Tuấn	Cơ điện tử 03-K70	70	Trường Cơ khí	89	4	B
1104	202517156	Nguyễn Bùi An Bình	Cơ điện tử 04-K70	70	Trường Cơ khí	88	3.89	B
1105	202517375	Nguyễn Thế Ngọc	Cơ điện tử 06-K70	70	Trường Cơ khí	89	3.81	B
1106	202517266	Lê Khôi Hùng	Cơ điện tử 02-K70	70	Trường Cơ khí	87	3.75	B
1107	202517313	Nguyễn Lâm Kiên	Cơ điện tử 07-K70	70	Trường Cơ khí	88	3.68	B
1108	202517433	Bùi Đức Tiến	Cơ điện tử 01-K70	70	Trường Cơ khí	88	3.68	B
1109	202518409	Nguyễn Ngọc Duy	ME-LUH 01-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.59	B
1110	202517409	Nguyễn Minh Quang	Cơ điện tử 05-K70	70	Trường Cơ khí	81	3.59	B
1111	202517320	Vũ Thế Kiệt	Cơ điện tử 07-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.54	B
1112	202517377	Đặng Đình Nguyên	Cơ điện tử 01-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.54	B
1113	202517234	Nguyễn Xuân Hân	Cơ điện tử 05-K70	70	Trường Cơ khí	83	3.54	B
1114	202518555	Hoàng Đức Tùng	ME-NUT 01-K70	70	Trường Cơ khí	90	3.53	B
1115	202518194	Nguyễn Nam Khánh	CTTT Cơ điện tử 04-K70	70	Trường Cơ khí	90	3.53	B
1116	202518107	Nguyễn Quang Anh	CTTT Cơ điện tử 02-K70	70	Trường Cơ khí	89	3.53	B
1117	202517730	Phạm Đình Khánh Hưng	Cơ khí 12-K70	70	Trường Cơ khí	96	4	A
1118	202517630	Lê Minh Dương	Cơ khí 10-K70	70	Trường Cơ khí	93	4	A
1119	202517638	Trần Bá Tùng Dương	Cơ khí 04-K70	70	Trường Cơ khí	93	4	A
1120	202517501	Phạm Việt Anh	Cơ khí 07-K70	70	Trường Cơ khí	93	4	A
1121	202517669	Đinh Lê Thanh Hiệp	Cơ khí 07-K70	70	Trường Cơ khí	93	4	A
1122	202517773	Đỗ Anh Khôi	Cơ khí 13-K70	70	Trường Cơ khí	93	4	A
1123	202517701	Nguyễn Huy Hoàng	Cơ khí 11-K70	70	Trường Cơ khí	93	4	A
1124	202517770	Phạm Như Khiêm	Cơ khí 10-K70	70	Trường Cơ khí	93	4	A
1125	202517624	Phạm Trung Dũng	Cơ khí 04-K70	70	Trường Cơ khí	92	4	A
1126	202517952	Phạm Văn Quang	Cơ khí 10-K70	70	Trường Cơ khí	92	4	A
1127	202517592	Ngô Anh Đức	Cơ khí 14-K70	70	Trường Cơ khí	90	4	A
1128	202517951	Nguyễn Vũ Quang	Cơ khí 09-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.93	A
1129	202517681	Lâm Minh Hiếu	Cơ khí 05-K70	70	Trường Cơ khí	95	3.93	A
1130	202517622	Nguyễn Văn Dũng	Cơ khí 02-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.93	A
1131	202517946	Nguyễn Bá Quang	Cơ khí 04-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.93	A
1132	202517882	Nguyễn Phương Ngân	Cơ khí 10-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.89	A
1133	202517954	Vũ Minh Quang	Cơ khí 12-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.89	A
1134	202517534	Nguyễn Đức Cường	Cơ khí 12-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.86	A
1135	202517860	Trương Nhật Minh	Cơ khí 02-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.86	A
1136	202518091	Ma Hoàng Vũ	Cơ khí 09-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.86	A
1137	202518085	Lê Hải Vinh	Cơ khí 03-K70	70	Trường Cơ khí	94	3.86	A
1138	202517480	Đoàn Tuấn Anh	Cơ khí 14-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.82	A
1139	202517472	Bùi Tuấn Anh	Cơ khí 06-K70	70	Trường Cơ khí	94	3.82	A
1140	202517546	Lê Thế Đan	Cơ khí 10-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.82	A
1141	202517719	Nguyễn Đức Hùng	Cơ khí 01-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.82	A
1142	202517799	Phùng Đức Lâm	Cơ khí 11-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.79	A
1143	202517744	Lại Quang Huy	Cơ khí 12-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.79	A
1144	202517729	Nguyễn Việt Hưng	Cơ khí 11-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.79	A
1145	202518082	Phan Quốc Việt	Cơ khí 14-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.79	A
1146	202517758	Vũ Quang Huy	Cơ khí 12-K70	70	Trường Cơ khí	92	3.79	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1147	202517671	Ngô Văn Hoàng Hiệp	Cơ khí 09-K70	70	Trường Cơ khí	92	3.79	A
1148	202517511	Lê Tuấn Bảo	Cơ khí 03-K70	70	Trường Cơ khí	90	3.79	A
1149	202517594	Nguyễn Đình Đức	Cơ khí 02-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.75	A
1150	202518065	Khuất Văn Tùng	Cơ khí 11-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.75	A
1151	202517897	Phan Anh Nhân	Cơ khí 11-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.71	A
1152	202517982	Nguyễn Thanh Tâm	Cơ khí 12-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.71	A
1153	202518076	Phạm Đức Tuyền	Cơ khí 08-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.71	A
1154	202518013	Nguyễn Đức Thiện	Cơ khí 01-K70	70	Trường Cơ khí	90	3.71	A
1155	202517819	Phạm Gia Long	Cơ khí 03-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.68	A
1156	202517920	Vũ Đào Thế Phong	Cơ khí 06-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.68	A
1157	202520222	Nguyễn Nam Khánh	CK động lực 01-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.9	A
1158	202520274	Đặng Quang Trung	CK động lực 02-K70	70	Trường Cơ khí	92	3.6	A
1159	202520262	Đào Thị Quyên	CK động lực 02-K70	70	Trường Cơ khí	86	3.6	B
1160	202520208	Vũ Minh Hoàng	CK động lực 02-K70	70	Trường Cơ khí	90	3.43	B
1161	202520202	Ninh Trung Hiếu	CK động lực 02-K70	70	Trường Cơ khí	89	3.38	B
1162	202520278	Lương Tuấn Tú	CK động lực 03-K70	70	Trường Cơ khí	81	3.31	B
1163	202520226	Phạm Văn Kiên	CK động lực 02-K70	70	Trường Cơ khí	91	3.3	B
1164	202511973	Trần Bá Việt Anh	Kỹ thuật điện 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1165	202512071	Bùi Văn Hùng	Kỹ thuật điện 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1166	202512047	Trịnh Xuân Hải	Kỹ thuật điện 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1167	202512120	Dương Gia Lộc	Kỹ thuật điện 05-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1168	202512201	Nguyễn Đức Tân	Kỹ thuật điện 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1169	202512222	Ngô Nguyễn Bá Toàn	Kỹ thuật điện 05-K70	70	Trường Điện - Điện tử	90	4	A
1170	202512125	Phí Thị Phương Mai	Kỹ thuật điện 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.9	A
1171	202512161	Nguyễn Hải Phong	Kỹ thuật điện 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	92	3.9	A
1172	202512095	Đào Duy Khánh	Kỹ thuật điện 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.83	A
1173	202512078	Nguyễn Bảo Hưng	Kỹ thuật điện 05-K70	70	Trường Điện - Điện tử	90	3.83	A
1174	202511991	Nguyễn Thành Công	Kỹ thuật điện 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	92	3.82	A
1175	202512139	Nguyễn Tiến Minh	Kỹ thuật điện 06-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.8	A
1176	202512215	Vũ Minh Thiên	Kỹ thuật điện 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.8	A
1177	202512001	Lê Văn Đạt	Kỹ thuật điện 06-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.8	A
1178	202512041	Tạ Đức Duy	Kỹ thuật điện 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.8	A
1179	202512028	Nguyễn Văn Dũng	Kỹ thuật điện 03-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.8	A
1180	202512005	Trịnh Tiến Đạt	Kỹ thuật điện 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	91	3.8	A
1181	202512035	Nguyễn Hữu Đương	Kỹ thuật điện 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.77	A
1182	202512072	Dương Minh Hưng	Kỹ thuật điện 05-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.74	A
1183	202512195	Nguyễn Hồng Sơn	Kỹ thuật điện 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.74	A
1184	202513954	Lê Thị Hồng Anh	KT Điện tử - Viễn thông 11-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1185	202513965	Nguyễn Quang Ảnh	KT Điện tử - Viễn thông 10-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1186	202514019	Nguyễn Công Hải Đăng	KT Điện tử - Viễn thông 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1187	202514206	Nguyễn Nam Khánh	KT Điện tử - Viễn thông 11-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1188	202514232	Lê Khánh Linh	KT Điện tử - Viễn thông 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1189	202513985	Hồ Xuân Bách	KT Điện tử - Viễn thông 06-K70	70	Trường Điện - Điện tử	95	4	A
1190	202514031	Ngô Văn Đạt	KT Điện tử - Viễn thông 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1191	202514345	Lê Minh Quang	KT Điện tử - Viễn thông 06-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1192	202514414	Bùi Tiến Tú	KT Điện tử - Viễn thông 03-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1193	202514441	Phạm Văn Vinh	KT Điện tử - Viễn thông 06-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1194	202514266	Nguyễn Quang Minh	KT Điện tử - Viễn thông 11-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1195	202514239	Đoàn Phước Long	KT Điện tử - Viễn thông 08-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1196	202514431	Phạm Văn Tùng	KT Điện tử - Viễn thông 08-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1197	202514443	Nguyễn Quang Vũ	KT Điện tử - Viễn thông 08-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1198	202514016	Phan Phú Cường	KT Điện tử - Viễn thông 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1199	202514284	Nguyễn Thị Thảo My	KT Điện tử - Viễn thông 05-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1200	202514153	Lê Mạnh Hùng	CTTN-KT điện tử-VT-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1201	202514106	Nguyễn Ngọc Hà	KT Điện tử - Viễn thông 07-K70	70	Trường Điện - Điện tử	92	4	A
1202	202514363	Lê Cao Sơn	CTTN-KT điện tử-VT-K70	70	Trường Điện - Điện tử	91	4	A
1203	202514127	Nguyễn Minh Hiếu	KT Điện tử - Viễn thông 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.94	A
1204	202514041	Hà Ngọc Diệp	KT Điện tử - Viễn thông 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	3.93	A
1205	202514133	Phạm Đặng Minh Hiếu	KT Điện tử - Viễn thông 10-K70	70	Trường Điện - Điện tử	90	3.93	A
1206	202514142	Mai Văn Hoàng	KT Điện tử - Viễn thông 07-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	3.91	A
1207	202514176	Hoàng Trần Huy	KT Điện tử - Viễn thông 05-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	3.91	A
1208	202514797	Vũ Hoàng Bảo	CTTT HT nhúng & IoT 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.91	A
1209	202514835	Vũ Nhật Long	CTTT HT nhúng & IoT 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.91	A
1210	202513994	Đỗ Duy Bảo	KT Điện tử - Viễn thông 03-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.91	A
1211	202514427	Đỗ Lam Tùng	KT Điện tử - Viễn thông 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.91	A
1212	202514380	Nguyễn Phạm Phương Thảo	KT Điện tử - Viễn thông 05-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.91	A
1213	202514351	Nguyễn Đức Quý	CTTN-KT điện tử-VT-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.91	A
1214	202514367	Trần Đức Sơn	KT Điện tử - Viễn thông 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	90	3.91	A
1215	202514308	Vũ Thị Tuyết Như	KT Điện tử - Viễn thông 05-K70	70	Trường Điện - Điện tử	90	3.91	A
1216	202514002	Trương Gia Bình	KT Điện tử - Viễn thông 11-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.9	A
1217	202514022	Phạm Văn Đăng	KT Điện tử - Viễn thông 07-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.9	A
1218	202514391	Lê Minh Tiến	KT Điện tử - Viễn thông 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.9	A
1219	202514318	Phạm Thanh Phong	KT Điện tử - Viễn thông 03-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.9	A
1220	202514119	Mai Vũ Xuân Hảo	KT Điện tử - Viễn thông 08-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.9	A
1221	202514097	Phan Viết Duy	KT Điện tử - Viễn thông 10-K70	70	Trường Điện - Điện tử	90	3.9	A
1222	202514267	Nguyễn Quang Minh	KT Điện tử - Viễn thông 12-K70	70	Trường Điện - Điện tử	90	3.9	A
1223	202514246	Nguyễn Văn Đại Lượng	KT Điện tử - Viễn thông 03-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	3.88	A
1224	202514421	Khổng Vũ Anh Tuấn	KT Điện tử - Viễn thông 10-K70	70	Trường Điện - Điện tử	90	3.87	A
1225	202514135	Phạm Trung Hiếu	KT Điện tử - Viễn thông 12-K70	70	Trường Điện - Điện tử	90	3.87	A
1226	202514416	Lê Anh Tú	KT Điện tử - Viễn thông 05-K70	70	Trường Điện - Điện tử	90	3.83	A
1227	202514860	Vũ Kim Sơn	CTTT HT nhúng & IoT 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	3.82	A
1228	202512317	Đoàn Khánh Chi	KT Điều khiển-Tự động hóa 11-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1229	202512319	Đỗ Thành Chung	KT Điều khiển-Tự động hóa 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1230	202512405	Đặng Khánh Duy	KT Điều khiển-Tự động hóa 03-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1231	202512446	Nguyễn Huy Hiệu	KT Điều khiển-Tự động hóa 08-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1232	202512346	Đỗ Xuân Đạt	KT Điều khiển-Tự động hóa 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1233	202512661	Hoàng Việt Phú	KT Điều khiển-Tự động hóa 07-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1234	202512699	Nguyễn Ngọc Thái Sơn	KT Điều khiển-Tự động hóa 09-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1235	202512775	Vũ Anh Tú	KT Điều khiển-Tự động hóa 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1236	202512796	Lưu Quang Văn	KT Điều khiển-Tự động hóa 10-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1237	202512583	Vũ Thị Xuân Mai	KT Điều khiển-Tự động hóa 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1238	202512640	Vũ Khánh Nguyên	KT Điều khiển-Tự động hóa 10-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1239	202512528	Lê Công Khánh	KT Điều khiển-Tự động hóa 06-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1240	202512560	Trịnh Duy Lâm	KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1241	202512554	Trần Chu Lai	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1242	202512807	Đào Thế Vinh	KT Điều khiển-Tự động hóa 09-K70	70	Trường Điện - Điện tử	95	4	A
1243	202512578	Nguyễn Thành Long	KT Điều khiển-Tự động hóa 08-K70	70	Trường Điện - Điện tử	94	4	A
1244	202512373	Nguyễn Minh Đức	KT Điều khiển-Tự động hóa 07-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1245	202512283	Nguyễn Hoàng Anh	KT Điều khiển-Tự động hóa 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1246	202512293	Trần Đức Anh	KT Điều khiển-Tự động hóa 11-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1247	202512316	Phạm An Bình	KT Điều khiển-Tự động hóa 10-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1248	202512328	Tạ Hữu Cường	KT Điều khiển-Tự động hóa 10-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1249	202512331	Nguyễn Nô Đan	KT Điều khiển-Tự động hóa 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1250	202512345	Đỗ Tiến Đạt	KT Điều khiển-Tự động hóa 03-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1251	202512389	Kiều Nam Thế Dung	KT Điều khiển-Tự động hóa 11-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1252	202512415	Lã Trần Trường Giang	KT Điều khiển-Tự động hóa 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1253	202512286	Phạm Đức Anh	KT Điều khiển-Tự động hóa 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1254	202512306	Khương Gia Bảo	KT Điều khiển-Tự động hóa 12-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1255	202512310	Nguyễn Đình Bảo	KT Điều khiển-Tự động hóa 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1256	202512810	Trần Văn Vinh	KT Điều khiển-Tự động hóa 12-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1257	202512697	Nguyễn Hoàng Sơn	KT Điều khiển-Tự động hóa 07-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1258	202512634	Vũ Trọng Nghĩa	KT Điều khiển-Tự động hóa 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1259	202512646	Nguyễn Thái Nhật	KT Điều khiển-Tự động hóa 04-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1260	202512746	Hoàng Trung Thông	KT Điều khiển-Tự động hóa 08-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1261	202512779	Nguyễn Anh Tuấn	KT Điều khiển-Tự động hóa 05-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1262	202512461	Lê Hoàng	KT Điều khiển-Tự động hóa 11-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1263	202512487	Nguyễn Văn Hùng	KT Điều khiển-Tự động hóa 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1264	202512530	Lý Bảo Khánh	KT Điều khiển-Tự động hóa 08-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1265	202512459	Đỗ Huy Hoàng	KT Điều khiển-Tự động hóa 09-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1266	202512631	Phùng Tuyết Nga	KT Điều khiển-Tự động hóa 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1267	202512728	Hoàng Quang Thanh	KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1268	202512500	Huỳnh Tấn Huy	KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1269	202512572	Đoàn Minh Long	KT Điều khiển-Tự động hóa 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1270	202512565	Nguyễn Tấn Lộc	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1271	202512676	Nguyễn Minh Quân	CTTN-KT điều khiển-TĐH-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1272	202520512	Trần Trung Nghĩa	PFIEV CK hàng không 01-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.81	A
1273	202520506	Phan Duy Phúc Long	PFIEV CK hàng không 01-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.72	A
1274	202520484	Nguyễn Đức Anh	PFIEV CK hàng không 01-K70	70	Trường Cơ khí	91	3.72	A
1275	202520493	Vũ Minh Đức	PFIEV CK hàng không 01-K70	70	Trường Cơ khí	81	3.91	B
1276	202519873	Đỗ Ngọc Tường Vy	Hạt nhân 01-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	96	3.88	A
1277	202519870	Lê Anh Tú	Hạt nhân 02-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	92	3.5	B
1278	202519842	Phạm Lê Ngọc Mai	Hạt nhân 02-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	96	3.42	B
1279	202519916	Đặng Hồng Nguyên	Nhiệt 06-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.42	B
1280	202519930	Vũ Đình Thịnh	Vật lý Y khoa 01-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	85	3.42	B
1281	202519882	Đầu Vũ Hà Uyên Chi	Vật lý Y khoa 01-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	98	3.35	B
1282	202511711	Nguyễn Ngọc Mai	CTTT Hóa dược 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	100	4	A
1283	202511694	Trần Gia Hưng	CTTT Hóa dược 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	4	A
1284	202511703	Lê Hồng Liên	CTTT Hóa dược 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	95	4	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1285	202511688	Nguyễn Đức Hiếu	CTTT Hóa dược 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	4	A
1286	202510684	Mai Lương Phương Anh	Kỹ thuật hóa học 14-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	4	A
1287	202511426	Đỗ Thị Khánh Vui	Kỹ thuật hóa học 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	4	A
1288	202511207	Nguyễn Xuân Phúc	Kỹ thuật hóa học 09-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	4	A
1289	202510656	Chu Trường An	Kỹ thuật hóa học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.94	A
1290	202511752	Nguyễn Đức Thái Tùng	CTTT Hóa dược 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	92	3.93	A
1291	202510675	Hà Thủy Anh	Kỹ thuật hóa học 05-K70	70	Trường Hóa và KHSS	92	3.9	A
1292	202510889	Vũ Thị Hoàng Hạ	Kỹ thuật hóa học 11-K70	70	Trường Hóa và KHSS	91	3.88	A
1293	202510959	Lê Thị Huệ	Kỹ thuật hóa học 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.85	A
1294	202511687	Đoàn Trung Hiếu	CTTT Hóa dược 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.8	A
1295	202511121	Trần Quang Minh	Kỹ thuật hóa học 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.8	A
1296	202511296	Nguyễn Thị Phương Thảo	Kỹ thuật hóa học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.8	A
1297	202511114	Nguyễn Nhật Minh	Kỹ thuật hóa học 12-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.78	A
1298	202511387	Tôn Sỹ Tuấn	Kỹ thuật hóa học 13-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.77	A
1299	202510761	Đỗ Việt Cường	Kỹ thuật hóa học 11-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.77	A
1300	202511271	Quách Văn Tâm	Kỹ thuật hóa học 09-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.77	A
1301	202511365	Lê Xuân Trường	Kỹ thuật hóa học 07-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.77	A
1302	202511238	Nguyễn Thị Quyên	Kỹ thuật hóa học 08-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.76	A
1303	202511216	Trần Thị Thu Phương	Kỹ thuật hóa học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	91	3.74	A
1304	202511653	Lê Hà Anh	CTTT Hóa dược 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	100	3.73	A
1305	202511248	Hoàng Văn Sâm	Kỹ thuật hóa học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	92	3.73	A
1306	202511403	Cao Phương Uyên	Kỹ thuật hóa học 13-K70	70	Trường Hóa và KHSS	91	3.73	A
1307	202511256	Nguyễn Hoàng Sơn	Kỹ thuật hóa học 10-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.7	A
1308	202511659	Trần Thị Ngọc Ánh	CTTT Hóa dược 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.67	A
1309	202511420	Vũ Hoàng Hải Vinh	Kỹ thuật hóa học 14-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.65	A
1310	202511431	Trịnh Yến Vy	Kỹ thuật hóa học 09-K70	70	Trường Hóa và KHSS	91	3.65	A
1311	202511214	Phạm Thị Kim Phượng	Kỹ thuật hóa học 16-K70	70	Trường Hóa và KHSS	95	3.62	A
1312	202511042	Nguyễn Quân Kỳ	Kỹ thuật hóa học 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.62	A
1313	202510880	Bùi Phương Hà	Kỹ thuật hóa học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.6	A
1314	202511722	Nguyễn Hà My	CTTT Hóa dược 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.6	A
1315	202510826	Lê Tiến Dũng	Kỹ thuật hóa học 12-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.6	A
1316	202510893	Nguyễn Vũ Hải	Kỹ thuật hóa học 15-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.6	A
1317	202511746	Đỗ Ngân Thương	CTTT Hóa dược 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	86	4	B
1318	202511080	Nguyễn Nhật Long	Kỹ thuật hóa học 10-K70	70	Trường Hóa và KHSS	84	3.81	B
1319	202511346	Nguyễn Thùy Trang	Kỹ thuật hóa học 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	83	3.8	B
1320	202511735	Nguyễn Hoàng Quân	CTTT Hóa dược 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	80	3.8	B
1321	202519523	Vũ Minh Tiến	KT in 02-K70	70	Trường Vật liệu	70	2.93	C
1322	202519502	Phạm Đức Minh	KT in 01-K70	70	Trường Vật liệu	82	2.62	C
1323	202519462	Đoàn Minh Anh	KT in 01-K70	70	Trường Vật liệu	72	2.54	C
1324	202516411	Phan Sĩ Kiên	Kỹ thuật máy tính 02-K70	70	Trường CNTT&TT	97	4	A
1325	202516511	Hà Quang Vinh	Kỹ thuật máy tính 02-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1326	202516348	Đặng Lân Dũng	Kỹ thuật máy tính 04-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1327	202516295	Nguyễn Phú An	Kỹ thuật máy tính 01-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1328	202516311	Nguyễn Đức Anh	Kỹ thuật máy tính 02-K70	70	Trường CNTT&TT	96	4	A
1329	202516398	Nguyễn Xuân Huyên	Kỹ thuật máy tính 04-K70	70	Trường CNTT&TT	93	4	A
1330	202516502	Hoàng Xuân Trường	Kỹ thuật máy tính 03-K70	70	Trường CNTT&TT	93	4	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1331	202516322	Cao Gia Bảo	Kỹ thuật máy tính 03-K70	70	Trường CNTT&TT	93	4	A
1332	202516423	Hoàng Quang Minh	Kỹ thuật máy tính 04-K70	70	Trường CNTT&TT	100	3.94	A
1333	202516472	Hồ Minh Quang	Kỹ thuật máy tính 03-K70	70	Trường CNTT&TT	100	3.94	A
1334	202514994	Nguyễn Như Hiệp	Môi trường 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.79	A
1335	202515110	Vương Thị Ngọc Thùy	Môi trường 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.54	B
1336	202514993	Lê Gia Hiển	Môi trường 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.32	B
1337	202515107	Hoàng Anh Thư	Môi trường 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	86	3.29	B
1338	202514970	Vũ Minh Đức	Môi trường 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.11	C
1339	202514975	Phạm Gia Lê Dũng	Môi trường 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	88	3	C
1340	202514995	Nguyễn Mạnh Hiếu	Môi trường 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	71	3	C
1341	202515023	Lê Thị Khánh	Môi trường 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	83	2.93	C
1342	202515034	Phạm Cao Lâm	Môi trường 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	82	2.86	C
1343	202515063	Lê Thị Kim Ngân	Môi trường 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	78	2.86	C
1344	202515131	Trần Hải Yến	Môi trường 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	80	2.71	C
1345	202515067	Nguyễn Văn Ngọc	Môi trường 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	86	2.64	C
1346	202515704	Hà Danh Bảo	Nhiệt 04-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.8	A
1347	202515765	Phạm Vũ Duy	Nhiệt 05-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.8	A
1348	202515778	Phí Phương Hằng	Nhiệt 06-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.7	A
1349	202515775	Nguyễn Chí Hải	Nhiệt 03-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.6	A
1350	202515779	Hoàng Tuấn Hiệp	Nhiệt 01-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.6	A
1351	202515857	Bùi Quang Nam	Nhiệt 01-K70	70	Trường Cơ khí	84	3.7	B
1352	202515717	Nguyễn Kim Cương	Nhiệt 05-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.5	B
1353	202515694	Nguyễn Thị Bảo Anh	Nhiệt 06-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.5	B
1354	202515971	Nguyễn Đình Quang Vinh	Nhiệt 01-K70	70	Trường Cơ khí	92	3.5	B
1355	202515795	Nguyễn Đình Hùng	Nhiệt 05-K70	70	Trường Cơ khí	91	3.5	B
1356	202515789	Trần Trung Hiếu	Nhiệt 05-K70	70	Trường Cơ khí	82	3.5	B
1357	202515902	Lê Ngọc Tài	Nhiệt 04-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.4	B
1358	202515797	Nguyễn Ngọc Phú Hưng	Nhiệt 01-K70	70	Trường Cơ khí	90	3.3	B
1359	202515957	Trương Đình Tuấn	Nhiệt 05-K70	70	Trường Cơ khí	88	3.3	B
1360	202515862	Nguyễn Đức Nam	Nhiệt 06-K70	70	Trường Cơ khí	86	3.3	B
1361	202515707	Nguyễn Khắc Bình	Nhiệt 01-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.2	B
1362	202515839	Lê Viết Tuấn Mạnh	Nhiệt 01-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.2	B
1363	202520018	Nguyễn Huy Hoàng	KT ô tô 02-K70	70	Trường Cơ khí	96	4	A
1364	202520033	Đào Xuân Huy	Cơ khí 07-K70	70	Trường Cơ khí	93	4	A
1365	202520038	Phạm Thế Huynh	KT ô tô 02-K70	70	Trường Cơ khí	91	4	A
1366	202519944	Lê Tú Anh	KT ô tô 03-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.92	A
1367	202520047	Chu Đình Khiêm	KT ô tô 01-K70	70	Trường Cơ khí	92	3.92	A
1368	202520093	Nguyễn Đức Phong	KT ô tô 02-K70	70	Trường Cơ khí	90	3.92	A
1369	202520037	Trần Đức Huy	KT ô tô 01-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.88	A
1370	202520028	Nguyễn Văn Hưng	KT ô tô 02-K70	70	Trường Cơ khí	91	3.88	A
1371	202520116	Đồng Thế Thăng	KT ô tô 05-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.87	A
1372	202519986	Ngô Thái Dũng	KT ô tô 05-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.8	A
1373	202519943	Lê Đức Anh	KT ô tô 02-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.77	A
1374	202520103	Vũ Minh Quân	KT ô tô 02-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.73	A
1375	202520030	Phạm Tiến Hùng	KT ô tô 04-K70	70	Trường Cơ khí	92	3.71	A
1376	202519974	Hoàng Ngọc Diệp	KT ô tô 03-K70	70	Trường Cơ khí	96	3.67	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1377	202520096	Nguyễn Hoàng Phú	KT ô tô 05-K70	70	Trường Cơ khí	93	3.63	A
1378	202520083	Cấn Anh Nguyên	KT ô tô 02-K70	70	Trường Cơ khí	83	3.73	B
1379	202520476	Thạch Khánh Tùng	CTTT ô tô 01-K70	70	Trường Cơ khí	87	3.68	B
1380	202520100	Tô Thanh Phúc	KT ô tô 04-K70	70	Trường Cơ khí	89	3.65	B
1381	202520382	Nguyễn Đức Anh	CTTT ô tô 03-K70	70	Trường Cơ khí	89	3.56	B
1382	202510094	Đàm Phương Long	Kỹ thuật sinh học 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.91	A
1383	202510633	Võ Thị Phương Linh	CTTT KT sinh học 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	90	3.75	A
1384	202510012	Nguyễn Thị Minh Anh	Kỹ thuật sinh học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	85	3.39	B
1385	202510107	Nguyễn Châu Bảo Ngọc	Kỹ thuật sinh học 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.29	B
1386	202510034	Lê Đăng Đại	Kỹ thuật sinh học 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	94	3.25	B
1387	202510009	Nguyễn Minh Anh	Kỹ thuật sinh học 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.25	B
1388	202510116	Trần Long Nhi	Kỹ thuật sinh học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	72	3.25	C
1389	202510624	Dương Huy Hoàng	CTTT KT sinh học 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	89	3.13	C
1390	202510092	Trần Hoàng Gia Linh	Kỹ thuật sinh học 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	81	3.13	C
1391	202510642	Mai Hà Phương	CTTT KT sinh học 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	90	3.09	C
1392	202510163	Nguyễn Thị Thanh Vân	Kỹ thuật sinh học 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	83	3.07	C
1393	202510632	Phạm Khánh Linh	CTTT KT sinh học 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	87	3.03	C
1394	202510194	Nguyễn Thị Nguyên Ánh	Thực phẩm 07-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.63	A
1395	202510189	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	Thực phẩm 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	100	3.62	A
1396	202510489	Phạm Đức Toàn	Thực phẩm 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.62	A
1397	202510250	Lã Thùy Dung	Thực phẩm 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.62	A
1398	202510579	Đinh Mai Linh	CTTT Thực phẩm 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	86	3.56	B
1399	202510554	Vũ Phương Anh	CTTT Thực phẩm 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	95	3.47	B
1400	202510309	Lương Ngọc Diễm Hương	Thực phẩm 07-K70	70	Trường Hóa và KHSS	86	3.46	B
1401	202510182	Lưu Phạm Hoàng Anh	Thực phẩm 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.41	B
1402	202510233	Dương Hải Đăng	Thực phẩm 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	93	3.35	B
1403	202510270	Đoàn Thị Hương Giang	Thực phẩm 08-K70	70	Trường Hóa và KHSS	81	3.35	B
1404	202510524	Vũ Thị Út	Thực phẩm 06-K70	70	Trường Hóa và KHSS	89	3.3	B
1405	202510561	Ngô Trần Quế Hoa	CTTT Thực phẩm 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	92	3.29	B
1406	202510576	Đào Minh Khuê	CTTT Thực phẩm 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	90	3.27	B
1407	202510556	Trịnh Nguyễn Bảo Châu	CTTT Thực phẩm 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	86	3.2	B
1408	202510338	Nguyễn Hải Lâm	Thực phẩm 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	77	3.46	C
1409	202510287	Phạm Đỗ Khánh Hiền	Thực phẩm 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	72	3.23	C
1410	202510175	Đào Diệu Anh	Thực phẩm 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	76	3.19	C
1411	202510516	Nguyễn Anh Tuấn	Thực phẩm 06-K70	70	Trường Hóa và KHSS	83	3.15	C
1412	202510265	Trần Hoàng Hải Đường	Kỹ thuật hóa học 16-K70	70	Trường Hóa và KHSS	82	3.15	C
1413	202510590	Ngô Thu Phương	CTTT Thực phẩm 02-K70	70	Trường Hóa và KHSS	86	3.13	C
1414	202510391	Trần Thị Hằng Nga	Thực phẩm 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	92	3.12	C
1415	202510527	Nguyễn Phương Uyên	Thực phẩm 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	91	3.12	C
1416	202510238	Nguyễn Ngọc Diệp	Thực phẩm 08-K70	70	Trường Hóa và KHSS	96	3.08	C
1417	202510490	Hoàng Đức Tôn	Thực phẩm 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	89	3.08	C
1418	202510525	Hoàng Thị Thu Uyên	Thực phẩm 07-K70	70	Trường Hóa và KHSS	83	3.08	C
1419	202518967	Nguyễn Quang Khải	Vật liệu 02-K70	70	Trường Vật liệu	93	3.53	B
1420	202518816	Bùi Minh Ánh	Vật liệu 05-K70	70	Trường Vật liệu	96	3.5	B
1421	202518997	Lê Đăng Lợi	Vật liệu 04-K70	70	Trường Vật liệu	93	3.44	B
1422	202519116	Nguyễn Thanh Tùng	Vật liệu 04-K70	70	Trường Vật liệu	93	3.31	B

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1423	202518897	Phạm Tiến Dũng	Vật liệu 02-K70	70	Trường Vật liệu	92	3.31	B
1424	202518957	Đặng Minh Huy	Vật liệu 06-K70	70	Trường Vật liệu	84	3.25	B
1425	202518953	Vũ Ngọc Hưng	Vật liệu 02-K70	70	Trường Vật liệu	93	3.22	B
1426	202518974	Dương Minh Khánh	Vật liệu 02-K70	70	Trường Vật liệu	75	3.44	C
1427	202519084	Trần Minh Thư	Vật liệu 07-K70	70	Trường Vật liệu	89	3.16	C
1428	202519033	Võ Trí Nguyên	Vật liệu 05-K70	70	Trường Vật liệu	79	3.16	C
1429	202518914	Trần Bá Duy	Vật liệu 05-K70	70	Trường Vật liệu	89	3.13	C
1430	202518942	Lê Huy Hoàng	Vật liệu 05-K70	70	Trường Vật liệu	88	3.13	C
1431	202519026	Nguyễn Kim Nghĩa	Vật liệu 05-K70	70	Trường Vật liệu	86	3.13	C
1432	202518865	Đỗ Tiến Đạt	Vật liệu 05-K70	70	Trường Vật liệu	82	3.13	C
1433	202519099	Nông Đức Trung	Vật liệu 01-K70	70	Trường Vật liệu	89	3.11	C
1434	202519081	Trần Minh Thiên	Vật liệu 04-K70	70	Trường Vật liệu	85	3.06	C
1435	202518935	Trần Minh Hiếu	Vật liệu 05-K70	70	Trường Vật liệu	81	3.06	C
1436	202519057	Chu Minh Sang	Vật liệu 01-K70	70	Trường Vật liệu	86	3	C
1437	202518841	Nguyễn Xuân Bảo	Vật liệu 02-K70	70	Trường Vật liệu	86	2.97	C
1438	202519064	Nguyễn Văn Sung	Vật liệu 01-K70	70	Trường Vật liệu	68	2.97	C
1439	202518976	Phạm Quốc Khánh	Vật liệu 04-K70	70	Trường Vật liệu	89	2.94	C
1440	202519028	Đặng Thảo Ngọc	Vật liệu 07-K70	70	Trường Vật liệu	80	2.94	C
1441	202518971	Nguyễn An Khang	Vật liệu 06-K70	70	Trường Vật liệu	89	2.88	C
1442	202518893	Lê Tiến Dũng	Vật liệu 05-K70	70	Trường Vật liệu	81	2.88	C
1443	202518883	Lê Chính Đức	Vật liệu 02-K70	70	Trường Vật liệu	76	2.88	C
1444	202519086	Bùi Thị Bích Thùy	Vật liệu 02-K70	70	Trường Vật liệu	83	2.84	C
1445	202518832	Phan Phương Anh	Vật liệu 07-K70	70	Trường Vật liệu	87	2.81	C
1446	202518831	Phạm Đức Anh	Vật liệu 06-K70	70	Trường Vật liệu	75	2.81	C
1447	202514449	Trần Khánh An	KT Y sinh 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	4	A
1448	202514474	Ngô Đình Quảng Đức	KT Y sinh 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	95	4	A
1449	202514552	Phùng Thanh Tùng	KT Y sinh 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	93	4	A
1450	202514456	Nguyễn Phương Anh	KT Y sinh 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	92	4	A
1451	202514544	Vũ Khánh Toàn	KT Y sinh 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	92	3.9	A
1452	202514458	Nguyễn Trần Ngọc Anh	KT Y sinh 01-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	3.87	A
1453	202514495	Mai Phú Hưng	KT Y sinh 02-K70	70	Trường Điện - Điện tử	96	3.87	A
1454	202513798	Nguyễn Đình Duy	CTTT Logistics 04-K70	70	Trường Kinh tế	93	4	A
1455	202513919	Trần Thị Hà Trang	CTTT Logistics 01-K70	70	Trường Kinh tế	90	3.94	A
1456	202513844	Nguyễn Thùy Linh	CTTT Logistics 02-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.91	A
1457	202513914	Nguyễn Kim Thư	CTTT Logistics 04-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.88	A
1458	202513841	Hoàng Mai Linh	CTTT Logistics 03-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.84	A
1459	202513785	Đinh Hoàng Du	CTTT Logistics 03-K70	70	Trường Kinh tế	96	3.81	A
1460	202513771	Ngô Trần Bách	CTTT Logistics 01-K70	70	Trường Kinh tế	92	3.72	A
1461	202513903	Cao Minh Quý	CTTT Logistics 01-K70	70	Trường Kinh tế	92	3.69	A
1462	202515535	Trần Ngọc Gia Bảo	Tiếng Anh IPE 02-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	100	4	A
1463	202515530	Trần Tuệ Anh	Tiếng Anh IPE 03-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	95	3.92	A
1464	202515494	Hoàng Anh Trung	Tiếng Anh KHKT 04-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	93	3.92	A
1465	202515299	Đỗ Đức Anh	Tiếng Anh KHKT 05-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	93	3.91	A
1466	202515471	Nguyễn Dạ Thảo	Tiếng Anh KHKT 02-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	96	3.85	A
1467	202515459	Nguyễn Tuệ Quyên	Tiếng Anh KHKT 04-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	93	3.82	A
1468	202515455	Phạm Văn Minh Quân	Tiếng Anh KHKT 07-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	93	3.79	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1469	202515557	Đào Gia Hiển	Tiếng Anh IPE 03-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	93	3.78	A
1470	202515550	Nguyễn Thùy Dung	Tiếng Anh IPE 02-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	96	3.75	A
1471	202515452	Nguyễn Mai Phương	Tiếng Anh KHKT 04-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	96	3.71	A
1472	202515559	Vũ Thị Thanh Hoa	Tiếng Anh IPE 02-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	96	3.69	A
1473	202515576	Vương Khánh Ly	Tiếng Anh IPE 01-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	96	3.69	A
1474	202515554	Nguyễn Thu Hà	Tiếng Anh IPE 03-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	96	3.67	A
1475	202520973	Nguyễn Đức Anh	Tiếng Trung 03-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	100	4	A
1476	202515678	Đinh Mai Trang	Tiếng Trung 02-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	96	4	A
1477	202515613	Lê Thùy Anh	Tiếng Trung 01-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	96	3.94	A
1478	202515670	Lê Vũ Hồng Phúc	Tiếng Trung 02-K70	70	Khoa Ngoại ngữ	100	3.92	A
1479	202513253	Phan Thị Thúy Nga	Quản lý công nghiệp 02-K70	70	Trường Kinh tế	92	3.91	A
1480	202513254	Lê Thị Kim Ngân	Quản lý công nghiệp 01-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.81	A
1481	202513194	Nguyễn Minh Châu	Quản lý công nghiệp 01-K70	70	Trường Kinh tế	96	3.72	A
1482	202513236	Lê Minh Kiên	Quản lý công nghiệp 01-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.72	A
1483	202513275	Nguyễn Thu Trang	Quản lý công nghiệp 02-K70	70	Trường Kinh tế	90	3.72	A
1484	202511899	Vũ Thị Hoa	Quản lý giáo dục 01-K70	70	Khoa KH&CN Giáo dục	81	3.81	B
1485	202511934	Ngô Như Quỳnh	Quản lý giáo dục 02-K70	70	Khoa KH&CN Giáo dục	81	3.18	C
1486	202511926	Trần Thu Ngân	Quản lý giáo dục 02-K70	70	Khoa KH&CN Giáo dục	94	3.13	C
1487	202515284	Bùi Duy Quý Trường	Quản lý Tài nguyên & MT 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	90	3.7	A
1488	202515164	Nguyễn Xuân Đại	Quản lý Tài nguyên & MT 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	92	3.13	C
1489	202515155	Trịnh Thái Bảo	Quản lý Tài nguyên & MT 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	82	2.8	C
1490	202515178	Nguyễn Ngọc Duyên	Quản lý Tài nguyên & MT 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	81	2.77	C
1491	202515258	Ngô Như Quỳnh	Quản lý Tài nguyên & MT 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	90	2.7	C
1492	202515250	Đỗ Thị Bích Phượng	Quản lý Tài nguyên & MT 03-K70	70	Trường Hóa và KHSS	85	2.63	C
1493	202515183	Nguyễn Trịnh Thái Hà	Quản lý Tài nguyên & MT 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	95	2.6	C
1494	202515291	Hứa Hiển Vinh	Quản lý Tài nguyên & MT 04-K70	70	Trường Hóa và KHSS	90	2.6	C
1495	202515152	Nguyễn Gia Bách	Quản lý Tài nguyên & MT 01-K70	70	Trường Hóa và KHSS	87	2.57	C
1496	202513730	Nguyễn An Thảo	CTTT Phân tích KD 03-K70	70	Trường Kinh tế	100	4	A
1497	202513690	Trần Phương Ly	CTTT Phân tích KD 02-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.94	A
1498	202513738	Vương Thị Yến Trang	CTTT Phân tích KD 02-K70	70	Trường Kinh tế	92	3.94	A
1499	202513625	Phạm Minh Châu	CTTT Phân tích KD 03-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.84	A
1500	202513663	Phạm Quang Hưng	CTTT Phân tích KD 02-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.78	A
1501	202513320	Trịnh Kim Giang	Quản trị kinh doanh 02-K70	70	Trường Kinh tế	99	3.76	A
1502	202513311	Nguyễn Thùy Dung	Quản trị kinh doanh 02-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.76	A
1503	202513654	Trần Thúy Hằng	CTTT Phân tích KD 02-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.75	A
1504	202513302	Nguyễn Tiến Đạt	Quản trị kinh doanh 02-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.71	A
1505	202513329	Lê Bá Hoàng	Quản trị kinh doanh 02-K70	70	Trường Kinh tế	93	3.71	A
1506	202513393	Hoàng Thị Mai Trang	Quản trị kinh doanh 03-K70	70	Trường Kinh tế	91	3.71	A
1507	202513527	Hoàng Ngọc Hải	Tài chính ngân hàng 01-K70	70	Trường Kinh tế	95	4	A
1508	202513533	Trịnh Gia Hưng	Tài chính ngân hàng 01-K70	70	Trường Kinh tế	97	3.74	A
1509	202513548	Lương Vũ Thùy Linh	Tài chính ngân hàng 02-K70	70	Trường Kinh tế	96	3.74	A
1510	202513523	Vũ Thuỳ Dương	Tài chính ngân hàng 01-K70	70	Trường Kinh tế	90	3.68	A
1511	202518666	Nguyễn Đức Nhật Minh	Toán-Tin 03-K70	70	Khoa Toán - Tin	96	4	A
1512	202518723	Tạ Phạm Hà Vy	Toán-Tin 04-K70	70	Khoa Toán - Tin	96	4	A
1513	202518621	Đặng Gia Hưng	Toán-Tin 02-K70	70	Khoa Toán - Tin	96	4	A
1514	202518653	Trịnh Mai Linh	Toán-Tin 02-K70	70	Khoa Toán - Tin	96	4	A

TT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Khóa	Trường/Khoa	Điểm RL	GPA	Loại học bổng
1515	202518664	Ngô Thắng Nhật Minh	Toán-Tin 01-K70	70	Khoa Toán - Tin	96	4	A
1516	202518704	Nguyễn Mai Thủy	Toán-Tin 01-K70	70	Khoa Toán - Tin	96	4	A
1517	202518626	Bùi Lâm Huy	Toán-Tin 03-K70	70	Khoa Toán - Tin	93	4	A
1518	202518706	Phùng Văn Tới	Toán-Tin 03-K70	70	Khoa Toán - Tin	93	4	A
1519	202518720	Bùi Công Vinh	Toán-Tin 01-K70	70	Khoa Toán - Tin	93	4	A
1520	202518567	Nguyễn Thị Phương Anh	Toán-Tin 04-K70	70	Khoa Toán - Tin	93	4	A
1521	202519672	Nguyễn Khánh Hưng	Vật lý 01-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	4	A
1522	202519711	Nguyễn Mạnh Linh	Vật lý 04-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	96	3.88	A
1523	202519647	Nguyễn Hoàng Tuấn Dương	Vật lý 04-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.88	A
1524	202519737	Hoàng Thái Đăng Nguyên	Vật lý 02-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	90	3.88	A
1525	202519661	Đinh Trọng Hiếu	Vật lý 02-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.77	A
1526	202519749	Trần Tiến Hoàng Phú	Vật lý 02-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	96	3.65	A
1527	202519689	Trần Đức Huy	Vật lý 02-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.65	A
1528	202519622	Nguyễn Quốc Đại	Vật lý 03-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	92	3.65	A
1529	202519714	Đinh Quang Long	Vật lý 03-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.62	A
1530	202519695	Đỗ Danh Quốc Khánh	Vật lý 04-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	90	3.58	B
1531	202519683	Bùi Quốc Huy	Vật lý 04-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.54	B
1532	202519780	Dương Minh Thiện	Vật lý 01-K70	70	Khoa Vật lý kỹ thuật	93	3.54	B